

8. TRỞ VỀ NƯỚC

Học xong khóa học ở Trường Quốc tế Lênin, Nguyễn Ái Quốc có dự định về nước chỉ đạo cách mạng, nhưng vì tình hình chưa thuận lợi nên chưa thực hiện được. Trong lúc chờ thời cơ để về nước, Nguyễn Ái Quốc nhận công tác tại Viện Nghiên cứu các vấn đề dân tộc và thuộc địa. Cuối năm 1936, Nguyễn Ái Quốc trúng tuyển vào lớp nghiên cứu sinh chuyên ngành lịch

sử do Viện Nghiên cứu các vấn đề dân tộc và thuộc địa tổ chức. Người hoàn thành xong chương trình tối thiểu nhưng do tình hình chuyển biến mạnh, Người đành bỏ lại phía sau luận án đang viết dở, quyết định gửi đơn lên Quốc tế Cộng sản xin được về nước. Nữ đồng chí V.I. Vaxilieva, Trưởng phòng Đông Dương thuộc Ban Phương Đông Quốc tế Cộng sản, người đã theo dõi và cộng tác lâu năm với Nguyễn Ái Quốc, hiểu rất rõ tâm trạng và rất ủng hộ Người. Trong thư gửi đề nghị lên Ban Bí thư Quốc tế Cộng sản, chị viết: “Đồng chí Lin là ủy viên Ban chấp hành Trung ương, là người có uy tín lớn trong Đảng Cộng sản Đông Dương, nay từ đây về thì Đảng sẽ chăm chú lắng nghe những ý kiến của đồng chí ấy”. Đồng chí D.P. Manuinxki thay mặt Đoàn chủ tịch Ban Chấp hành Quốc tế Cộng sản đã tiếp và trao đổi với Nguyễn Ái Quốc về những vấn đề đang đặt ra cho các Đảng Cộng sản, trong đó có Đảng Cộng sản Đông Dương và công bố quyết định của Quốc tế Cộng sản đồng ý để đồng chí Nguyễn Ái Quốc được trở về nước công tác. Ngày 29 tháng 9 năm 1938 Nguyễn Ái Quốc rời Viện Nghiên cứu các vấn đề

dân tộc và thuộc địa lên xe lửa tuyến Matxcơva - Nôvôxiбіêcxơ rồi chuyển hướng đi về phía Nam, vượt biên giới Trung - Xô, vào Urumsi (Tân Cương) rồi Lan Châu.

Các đồng chí ở Bát lộ quân nhận được chỉ thị đón một cán bộ quan trọng của Quốc tế Cộng sản đi qua, chuẩn bị cho đồng chí ấy một chứng minh thư Trung Quốc với tên Hồ Quang, cấp bậc thiếu tá - người đó chính là Nguyễn Ái Quốc.

Theo sự hướng dẫn của các đồng chí Trung Quốc, Nguyễn Ái Quốc từ Lan Châu về Tây An, đến đây đã gặp được những người quen cũ trước đây đã có thời cùng hoạt động với nhau. Được vài hôm Người lại tiếp tục cuộc hành trình đi Diên An.. Bấy giờ Diên An đã là thủ đô cách mạng, là căn cứ đầu não của 18 vạn quân cách mạng và 9 khu giải phóng ở Hoa Bắc và Hoa Trung. Ở Diên An hai tuần Nguyễn Ái Quốc tìm cách trở về Quảng Tây để gần với Tổ quốc hơn. Thời kỳ này cả vùng Quảng Đông, Quảng Châu, Hồng Kông đều bị quân Nhật chiếm đóng.

Để giữ bí mật, Người đóng vai lính hầu cho một cán bộ cao cấp của Đảng Cộng sản Trung Quốc. Dừng chân ở Quế Lâm,

tỉnh lỵ của Quảng Tây, Nguyễn Ái Quốc ở trong trụ sở văn phòng Quế Lâm của Bát lộ quân, vừa làm công việc, vừa tìm cách bắt liên lạc với trong nước. Thời kỳ này Nguyễn Ái Quốc với bút danh P.C. Lin viết nhiều bài cho các báo lên án sự dã man của Nhật trên đất Trung Quốc, tố cáo chiến tranh của phát xít, tố cáo bọn Tơrôtxkít làm tay sai cho Nhật.

Ngoài viết báo, Nguyễn Ái Quốc đã gửi thư cho Trung ương Đảng ta, trực tiếp truyền đạt tinh thần Nghị quyết Đại hội VII Quốc tế Cộng sản, gửi thư báo cáo về hoạt động của mình trong giai đoạn một năm qua.

Để tìm cách liên lạc với trong nước, sau này Người kể lại: “Trong khi chờ đợi, để khỏi phí thời gian, tôi đến làm phiên dịch cho các tin tức thế giới (nghe đài thu thanh) ở Bát lộ quân, làm bí thư chi bộ, chủ nhiệm câu lạc bộ, viết một cuốn sách nói về “khu vực đặc biệt” và một số bài báo phản ánh những biến cố chính trị quân sự (ở Trung Quốc), “để tuyên truyền quốc tế”. Trên các báo đó tôi đều ghi Quế Lâm và ký tên Lin, hy vọng các đồng chí có trách nhiệm có thể đoán được ai là tác giả và hiện nay người đó ở đâu. Nhưng hy vọng

này không đạt được, chỉ đến cuối tháng 7, thông qua một người bạn rồi thông qua đồng chí chủ nhiệm tờ báo nói trên, tôi mới gửi được cho Ban chấp hành Trung ương địa chỉ của tôi và các đường ôi, chủ trương". (*Hồ Chí Minh toàn tập*, Tập 3, tr.140). Tháng 2 năm 1939 Nguyễn Ái Quốc rời Quế Lâm (Quảng Tây cùng tướng Diệp Kiếm Anh đi Hoành Dương (Hồ Nam) tham gia lớp huấn luyện lu kích tại Nam Nhạc. Lớp du kích Nam Nhạc là lớp huấn luyện do Quốc - Cộng hợp tác tổ chức. Nguyễn Ái Quốc tham gia lớp huấn luyện khóa II từ ngày 20 tháng 6 đến ngày 20 tháng 9 năm 1939. Sau đó rời Hồ Nam trở lại Quế Lâm rồi đi Long Châu nhưng không bắt được liên lạc, Người trở ại Quế Lâm, qua Quý Dương đến Trùng Khánh nơi có đại diện Đảng Cộng sản Trung Quốc có phân xã TASS của Liên Xô. Khoảng đầu tháng 11 đồng chí Phùng Clí Kiên trong ban lãnh đạo hải ngoại của Đảng và đồng chí Đặng Văn Cáp được cử đi đón Người đã tìm vào văn phòng Bát lộ quân ở Quý Dương thì được biết "đồng chí Hồ Quang đã rời đây đi 3 ngày rồi". Tại Trùng Khánh, Người đến văn phòng Bát lộ quân đóng tại thôn Hồng Nhan, và được bố trí

nơi nghỉ, thường gặp gỡ chuyện trò với Chu Ân Lai là bạn cũ hồi hoạt động ở Pháp.

Cuối năm 1939 chờ mãi không bắt được liên lạc, Nguyễn Ái Quốc đành tìm đường đi Côn Minh - tỉnh Vân Nam. Nơi đây có đường sắt nối với Việt Nam nên có nhiều Việt Kiều sang sinh sống, phần lớn là công nhân đường sắt. Ở Côn Minh, từ năm 1939 Đảng ta đã đặt Ban Hải ngoại do đồng chí Phùng Chí Kiên phụ trách. Nhờ các đồng chí Đảng Cộng sản Trung Quốc, Nguyễn Ái Quốc bắt liên lạc được với Ban Hải ngoại. Cuối tháng 2 năm 1940, Nguyễn Ái Quốc mang bí danh “ông Trần” đến điểm hẹn Hiệu dầu cù là Vĩnh An Đường, để bắt liên lạc. Đồng chí Trịnh Đông Hải (tức Vũ Anh) sau khi trao đổi mật hiệu biết đúng là người mình cần đón, đồng chí đưa “ông Trần” đến nhà Tống Minh Phương ở 76 đường Kim Bích trong nội thành Côn Minh để gặp đồng chí Phùng Chí Kiên. Sau một năm trời rời Matxcơva nay mới nối lại được liên lạc, Nguyễn Ái Quốc mừng rỡ khôn xiết. Các đồng chí ở Ban Hải ngoại cũng rất sung sướng khi gặp được lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc mà xưa nay ai cũng ngưỡng mộ mà chưa có dịp gặp. Các đồng chí báo cáo công việc của

Ban Hải ngoại. Ở đây có tờ báo 'Truyền tin ra hàng tháng. Nguyễn Ái Quốc đề nghị đổi tên tờ Truyền tin thành Đ.T "để một mặt người đọc có thể hiểu là Đồng Thanh, Đấu Tranh, Đồng Tâm, hay Đánh Tây cũng được. Mặt khác, bọn Quốc dân Đảng cũng khó tìm cớ gây khó khăn cho báo". Và Người đã viết nhiều bài cho Đ.T.

Thời gian này Nguyễn Ái Quốc sử dụng giấy giới thiệu của "Việt Nam hưởng ứng Trung Quốc kháng địch hậu viên Hội" (Hội những người Việt Nam giúp đỡ Trung Quốc chống địch) cùng với đồng chí Phùng Chí Kiên đi xuống các cơ sở cách mạng dọc đường xe lửa Côn Minh - Hà Khẩu, tổ chức mở lớp huấn luyện tại chi bộ Chi Thôn. Tháng 6 năm 1940 Nguyễn Ái Quốc mang bí danh "đồng chí Vương" đến Thúy Hồ gặp các đồng chí Phạm Văn Đồng, Võ Nguyên Giáp vừa ở bên nước sang. Ở Côn Minh, Nguyễn Ái Quốc thường xuyên chăm lo bồi dưỡng nâng cao trình độ cách mạng cho các đồng chí hoạt động ở đây, trình độ nhận thức chính trị, thời sự hiện tại. Người nhấn mạnh đến việc đoàn kết với Đảng Cộng sản Trung Quốc để chống phát xít Nhật. Sau đó ít ngày, đồng chí Nguyễn Ái Quốc quyết định cử các đồng

chí Phạm Văn Đồng, Võ Nguyên Giáp, Cao Hồng Lĩnh đi học chính trị dài hạn ở Diên An.

Ngày 22 tháng 6 năm 1940 sau khi nhận được tin Chính phủ Pétanh chấp nhận đầu hàng Đức, Nguyễn Ái Quốc điện lên Quý Dương hoãn chuyến đi học của ba đồng chí và dặn quay lại đợi ở Quế Lâm để cùng về nước. Người họp các đồng chí Việt Nam tại trụ sở báo Đ.T và khẳng định thời cơ thuận lợi cho cách mạng đã đến, chúng ta phải tìm mọi cách để về nước, chậm trễ lúc này là có tội với cách mạng. Đồng thời Người cử đồng chí Trần Văn Hình (vừa từ Nam Bộ ra) đi Diên An thiết lập mối quan hệ Quốc tế, nhận những thông tin mới của Quốc tế Cộng sản. Người đáp máy bay đi Trùng Khánh, gặp Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc để trao đổi những vấn đề liên quan đến thời cơ. Trước khi đi, Người dặn các đồng chí ở nhà chọn hướng, địa điểm về nước. Cuối tháng 7, Nguyễn Ái Quốc trở lại Côn Minh, song kế hoạch về nước theo đường Côn Minh - Lào Cao phải huỷ bỏ vì chiếc cầu nối Vân Nam - Lào Cai bị phá hỏng, cửa khẩu bị đóng không thể đi được.

Ngày 22 tháng 9 năm 1940 Pháp buộc phải ký với Nhật Hiệp ước cho quân Nhật

vào Đông Dương. Quân Pháp hỗn độn, có nơi bỏ súng chạy trốn, hệ thống chính quyền tay sai tan rã. Lợi dụng tình hình đó nhân dân Bắc Sơn dưới sự lãnh đạo của Đảng nổi dậy vũ trang giành chính quyền. Đội du kích Bắc Sơn được thành lập. Nhân dân Nam Kỳ chuẩn bị khởi nghĩa nhưng do điều kiện chưa chín muồi, Trung ương chỉ thị tạm hoãn cuộc khởi nghĩa.

Khoảng tháng 10 năm 1940, Nguyễn Ái Quốc cùng một số đồng chí rời Côn Minh về Quế Lâm (Quảng Tây) để chọn hướng về nước. Lúc này tại Quế Lâm tướng Trương Phát Khuê tay chân của Tưởng Giới Thạch đang ráo riết chuẩn bị “Hoa quân nhập Việt”. Để có danh nghĩa hoạt động, Nguyễn Ái Quốc chủ trương thành lập lại “Việt Nam Độc lập Đồng Minh” - một tổ chức được Tưởng cho phép thành lập năm 1935 do ông Hồ Học Lãm là sĩ quan cao cấp trong quân đội Tưởng lãnh đạo. Tình hình trong nước diễn biến nhanh chóng, Người chủ trương không nên lưu lại lâu ở Quế Lâm. Vào hạ tuần tháng 12 năm 1940 Người cùng một số cán bộ rời Quế Lâm xuống Tĩnh Tây. Tại đây Người nghe báo cáo của đồng chí Hoàng Văn Thụ từ trong nước mới sang về tình hình trong

nước và đang chuẩn bị họp Hội nghị Trung ương lần thứ Tám. Đồng chí Hoàng Văn Thụ khuyên Người nên chọn hướng Cao Bằng, nơi có phong trào cách mạng nhân dân phát triển, cán bộ ở đây tương đối vững, liên lạc quốc tế cũng thuận lợi. Người nhất trí phương án đó và cử một số đồng chí về nước trước chuẩn bị địa điểm làm căn cứ. Mấy ngày sau Người được đồng chí Hoàng Sâm dẫn đường, cùng các đồng chí Phạm Văn Đồng, Võ Nguyên Giáp, Phùng Chí Kiên, Đặng Văn Cáp, theo đường Long Lâm qua Nậm Bo, xuống Nậm Quang, một làng giáp biên giới Trung - Việt.

Ở tại Nậm Quang, Người đã tập trung được 43 cán bộ cách mạng và tiến hành mở lớp đào tạo, huấn luyện chương trình gồm: thời sự trong nước và quốc tế, cách tổ chức đoàn thể quần chúng, cách điều tra, tuyên truyền tổ chức đào tạo và phương pháp đấu tranh cách mạng. Những người gần gũi có khả năng hỗ trợ bài giảng có các đồng chí Võ Nguyên Giáp, Phạm Văn Đồng, Phùng Chí Kiên...

Để được dân tin tưởng, yêu mến, Người luôn dạy anh em phải giữ mối liên hệ tốt với quần chúng, sống hòa mình với quần

chúng khi có điều kiện cần tích cực giúp nhân dân những việc mình làm được: như đi lấy củi, lấy nước, quét dọn nhà cửa, tập cho các em nhi đồng học hát, học múa. Gần Tết năm đó lớp huấn luyện kết thúc, Người cùng một số anh em chuẩn bị về nước.

Đầu xuân, ngày Tết Tân Ty, Nguyễn Ái Quốc cùng các đồng chí tổ chức đi chúc Tết bà con hai thôn Nậm Quang và Nậm Tẩy. Người mặc bộ đồ dân tộc Nùng, đầu vấn khăn, tay chống gậy. Người tặng mỗi nhà một tờ giấy hồng điều trên có ghi bốn chữ Cung Chúc Tân Xuân (chúc mừng năm mới), tặng mỗi cháu nhỏ “phong bao” tiền “lì xì”. Sáng mồng hai Tết (ngày 28 tháng 1 năm 1941) trời còn tối đất, sương mù còn khá dày, Người cùng một số anh em rời Nậm Quang lên đường về nước. Giây phút đầu tiên sau 30 năm xa cách, đặt chân lên đất thiêng của giống nòi, Người xiết bao xúc động dâng tràn, bao nhiêu năm thương nhớ đợi chờ, nay đã trở thành hiện thực.

9. NHẸN NHÓM NGỌN LỬA CÁCH MẠNG TỪ PÁC BÓ

Nhờ sự chuẩn bị trước, được sự hỗ trợ của bà con địa phương, Nguyễn Ái Quốc

chọn hang Cốc Bó (tiếng Nùng có nghĩa là đầu nguồn), nơi kín đáo của làng Pác Bó, xã Hà Trường, huyện Hà Quảng (Cao Bằng), nằm kề biên giới Việt - Trung. Hang Cốc Bó nằm lưng chừng núi, muốn tới hang phải trèo qua vùng đá lởm chởm, có lau sậy rậm rạp. Nơi đây có thể nhìn ra xa về phía trái là dòng Khuổi Nậm (có nghĩa là khe nhỏ). Với tên gọi mới là Già Thu, Người bắt đầu thu xếp cuộc sống nơi hang đá Cốc Bó. Đồ tư trang đơn giản: chiếc vali đựng tài liệu, máy chữ, giường nằm là những cành cây ghép lại trên trái tấm tre đan. Người về đây đang là cuối đông, đầu xuân, tiết trời vùng cao còn giá lạnh. Đêm thường phải đốt lửa để qua cái giá buốt, ngày ra ngoài làm việc vừa thoáng mát vừa đủ ánh sáng. Cạnh hang có dòng suối nhỏ chảy từ trong núi ra. Người đặt tên là suối Lenin. Ngọn núi cao cạnh suối Người đặt là núi Các Mác. Thường thường ban ngày Người chọn tảng đá phẳng cạnh suối làm bàn viết, núi non hùng vĩ cảm hứng nên thơ:

Non xa xa, nước xa xa

Nào phải thên thang mới gọi là

Đây suối Lenin kia núi Mác

Hai tay gậy dựng một sơn hà.

Cuộc sống ẩn trong bí mật, thiếu thốn trăm đường, nơi ăn chốn ngủ không được thoải mái. Rau rừng, ốc suối, bấp ngô... là nguồn thực phẩm chính của mỗi bữa ăn. Nhưng vượt lên tất cả khó nhọc đời thường là tâm hồn tràn đầy niềm tin ở ngày mai - nguồn sống vĩnh cửu của những con người dần thân theo lý tưởng cách mạng:

*Sớm ra bờ suối, tối vào hang
Cháo bẹ, rau măng vẫn sẵn sàng
Bàn đá chông chênh dịch sử Đảng
Cuộc đời cách mạng thật là sang.*

Cuộc trường chinh 30 năm, làm đủ các nghề từ phụ bếp, quét tuyết, đốt lò, những ngày ăn uống thiếu thốn ở ngõ hẻm Công Poanh, ngồi tù ở Hương Cảng... mầm bệnh lao luôn luôn sẵn sàng đánh quỵ Người, nhất là trong thời điểm thức ăn, môi trường khắc nghiệt ở hang đá ẩm thấp. Như biết trước khó khăn đó, Người ra sức rèn luyện thân thể tập thể dục đều: đi lại, lao động chân tay... có lúc cùng anh em vào rừng lấy củi, hái rau, mò ốc, bắt cá... Tối tối bên bếp lửa hồng, Người tụ tập anh em bồi dưỡng lý luận cách mạng, kể chuyện thế giới, chuyện thiên đường nước Nga Xô Viết... Người tranh thủ lược dịch cuốn *Lịch sử Đảng Cộng sản (B) Liên Xô*

ra tiếng Việt để làm tài liệu học tập cho cán bộ.

Một thời gian sau, có hai giao liên người địa phương bị địch bắt. Để đảm bảo an toàn, bí mật, Người quyết định rời Pác Bó sang Khuổi Nậm, thuận tiện liên lạc và khi có địch dễ thoát hơn.

Thời gian hoạt động bên Trung Quốc, khu vực gần biên giới Tỉnh Tây, Người quen biết nhiều những cơ sở tin cậy. Trong thời gian ở Khuổi Nậm, khi cần người sang Tỉnh Tây công tác, có lúc để an toàn Người trong vai ông thầy địa lý để suôn sẻ trên đường đi.

Về Pác Bó, Người đã phát động tổ chức các hội quần chúng như Thanh niên Cứu quốc, Phụ nữ Cứu quốc, Nông dân Cứu quốc, thành lập các đội tự vệ... Tất cả hình thành một hình thái mặt trận thống nhất. Tháng 4 năm 1941, Người chủ trì Hội nghị Coọc Mu, tập hợp những cán bộ chỉ đạo các tổ chức trên nhằm rút kinh nghiệm tiến tới thành lập Mặt trận Việt Minh.

Về nước được một thời gian, sau khi nắm vững tình hình trong nước, với danh nghĩa đại diện Quốc tế Cộng sản, Nguyễn Ái Quốc triệu tập Hội nghị lần thứ Tám của Trung ương Đảng Cộng sản Đông

Dương, khai mạc từ ngày 10 và kết thúc ngày 19 tháng 5 năm 1941 tại chiếc lán nhỏ bên dòng Khuổi Nậm. Đến dự Hội nghị có các đồng chí Trường Chinh, Hoàng Văn Thụ, Hoàng Quốc Việt, Phùng Chí Kiên và một số đại biểu của Xứ ủy Bắc Kỳ, Trung Kỳ, đại biểu hoạt động ở nước ngoài. Hội nghị đã phân tích sâu sắc tình hình trong nước và thế giới. Nhấn mạnh cuộc chiến tranh kết thúc sẽ có nhiều nước xã hội chủ nghĩa ra đời, tạo nên thời cơ lớn cho Cách mạng Việt Nam, chỉ rõ nhiệm vụ trước mắt và lâu dài của Cách mạng Việt Nam - luôn luôn dương cao ngọn cờ giải phóng dân tộc, tích cực chuẩn bị lực lượng có thời cơ là chuyển sang Tổng khởi nghĩa giành chính quyền. Quyết định tạm gác khẩu hiệu cách mạng ruộng đất, chỉ tịch thu ruộng đất của đế quốc và bọn Việt gian, nhận thức rõ trách nhiệm cách mạng Đông Dương là do từng nước phát huy sức mạnh độc lập tự chủ, đồng thời đoàn kết gắn bó các dân tộc chống kẻ thù chung.

Hội nghị thống nhất thành lập Mặt trận Việt Nam Độc lập Đồng Minh gọi tắt là Việt Minh. Chủ trương đặt tên các hội của quần chúng là Hội Cứu quốc, chủ trương khởi nghĩa vũ trang để quyết định

thắng lợi của cách mạng, tăng cường đào tạo, huấn luyện cán bộ đủ trình độ năng lực đáp ứng yêu cầu cách mạng trong tình hình mới. Hội nghị tạo nên một bước chuyển biến mới của đường lối cách mạng Việt Nam. Hội nghị đã kiện toàn tổ chức. Theo đề nghị của Nguyễn Ái Quốc đồng chí Trường Chinh được bầu làm Tổng bí thư, Hội nghị bầu ra Ban Thường vụ gồm ba đồng chí: Trường Chinh, Hoàng Văn Thụ và Hoàng Quốc Việt. Sau Hội nghị, Người ân cần căn dặn các đồng chí tham gia Hội nghị trong Ban Thường vụ phải luôn nêu cao tinh thần trách nhiệm, đoàn kết nội bộ thực hiện nguyên tắc: Tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách, nâng cao trách nhiệm phê bình và tự phê bình.

Sau Hội nghị, Nguyễn Ái Quốc viết thư kính cáo đồng bào, gửi đến đồng bào toàn quốc. Kêu gọi toàn dân tộc đoàn kết đánh đuổi Pháp, Nhật.

Hội nghị Trung ương lần thứ Tám và thư kêu gọi của Nguyễn Ái Quốc là ngọn đuốc soi đường cho dân tộc bước ra khỏi đêm đen nghìn năm phong kiến, trăm năm thực dân, tiếp thêm sức mạnh mới cho toàn Đảng, hướng theo những tư tưởng, đường lối mới, tổ chức quần chúng vững

vàng đấu tranh trong một hoàn cảnh mới, khí thế mới.

Như để tiếp thêm sức mạnh cho cách mạng, Nguyễn Ái Quốc chủ trương tập trung lãnh đạo Mặt trận Việt Minh. Người trực tiếp soạn thảo chương trình hoạt động của Việt Minh. Trong bản “Chương trình Việt Minh” Người nêu rõ thực hiện các chính sách tiến bộ về chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, ngoại giao... Ngoài ra Người còn soạn thảo “Mười chính sách của Việt Minh”. Nhằm thúc đẩy công việc Nguyễn Ái Quốc quyết định xuất bản báo *Việt Nam Độc lập*.

Báo *Việt Nam Độc lập* lúc đầu là cơ quan tuyên truyền của Tỉnh bộ Việt Minh tỉnh Cao Bằng. Báo ra số đầu ngày 1 tháng 8 năm 1941, được đánh số 101 mỗi tháng báo ra ba kỳ, in tại Khuổi Nậm khoảng 400 bản, sau chuyển về Lam Sơn.

Nguyễn Ái Quốc vừa trực tiếp chỉ đạo vừa viết những bài quan trọng, duyệt bài, đưa tin tức trên báo, có lúc vẽ tranh. Tháng 8 năm 1942 Người sang Trung Quốc, phụ trách báo giao cho đồng chí Phạm Văn Đồng. Đến tháng 8 năm 1945 báo ra được 226 số. Những bài viết của Nguyễn Ái Quốc trên báo *Việt Nam Độc*

Độc lập thường dễ hiểu, dùng lối nói dân gian như ca dao, tục ngữ. Người thường làm thơ nôm na, ai đọc cũng dễ hiểu, thấm sâu. Nhiều bài thơ tuyên truyền trên báo được Người tập hợp lại in thành một cuốn sách bỏ túi *Ba mươi bài thơ Việt Minh*, dùng làm tài liệu cho cán bộ tuyên truyền.

Thời kỳ ở Khuổi Nậm, Nguyễn Ái Quốc đã tổ chức mở nhiều lớp huấn luyện ngắn ngày, có đợt chỉ có 5 ngày đến một tuần lễ, nội dung ngắn gọn súc tích: tình hình thời sự trong và ngoài nước; đường lối của Đảng, chương trình, Điều lệ Việt Minh; phương pháp công tác.

Tháng 6 năm 1941 Người cử người đi học vô tuyến điện ở Liễu Châu (Trung Quốc). Tháng 10 năm 1941 Người tổ chức Đội vũ trang và giao cho hai đồng chí Lê Thiết Hùng, Lê Quảng Ba. Đội du kích gồm 13 đội viên do Lê Quảng Ba làm chỉ huy, Lê Thiết Hùng làm chính trị viên, Hoàng Sâm làm chỉ huy phó. Hôm làm lễ ra mắt thành lập, Nguyễn Ái Quốc trực tiếp đến và trao cho Đội “Mười điều kỷ luật và những nguyên tắc hoạt động của Đội” do Người soạn thảo. Cùng với tài liệu trên, Nguyễn Ái Quốc còn biên soạn

nhiều tài liệu quân sự dùng làm tài liệu huấn luyện cho đội vũ trang như cách đánh du kích.

Nguyễn Ái Quốc viết tác phẩm *Lịch sử nước ta* bằng lối diễn ca để mọi người dễ đọc, dễ hiểu, dễ thuộc. Kết thúc tác phẩm, Người ghi mốc lớn của lịch sử: 1945-Việt Nam độc lập.

10. NHỮNG VẦN THƠ THOÁT RA TỪ NGỤC TỐI

Cuộc chiến tranh thế giới đã phân thành hai chiến tuyến giữa phát xít và đồng minh. Nhận thấy vận mệnh của một dân tộc phải gắn liền với thế giới, phải có sự liên minh quốc tế, trước mắt cần liên minh với người hàng xóm láng giềng - Trung Quốc để chống phát xít, Nguyễn Ái Quốc quyết định đi công tác nước ngoài.

Nguyễn Ái Quốc dùng giấy tờ có tên là Hồ Chí Minh được cấp từ năm 1940, trong giấy tùy thân có giấy giới thiệu “Phân hội Việt Nam của Hiệp hội Quốc tế phản xâm lược”; thẻ thông tấn viên đặc biệt của “Quốc tế Văn xã” và giấy thông hành văn phòng Bộ Tư lệnh Đệ tứ chiến khu cấp. Trên đường đến Quảng Tây ngày 13 tháng

8 năm 1942, tới xã Túc Vinh (huyện Đức Bảo) thì tuần cảnh cho rằng những giấy tờ cấp từ 1940 nay đã hết hạn sử dụng. Chúng nghi Người là gián điệp bèn bắt giải lên Tỉnh Tây nộp cho văn phòng Quế Lâm của Ủy ban quân sự Chính phủ Quốc dân Đảng để điều tra xét hỏi vì một người Việt Nam mà có nhiều giấy tờ quan trọng do Trung Quốc cấp là đáng khả nghi. Người bị giải đi theo lịch trình: Tỉnh Tây qua Diên Đông, Long An, Thiên Bảo, Đồng Chính, Nam Ninh, Vũ Minh, Tân Dương, Lai Tân, Liễu Châu và đến Quế Lâm ngày 10 tháng 12 năm 1942, rồi lại bị giải trở lại Liễu Châu để giao cho Cục chính trị Bộ Tư lệnh Đệ tứ chiến khu thẩm tra.

Tình cảnh người tù thật thê thảm. Vì nghi là tội phạm quan trọng đang bị truy nã nên chúng rất chú ý bảo vệ: “Tay bị trói cánh khuỷu, cổ mang vòng xích, có sáu người lính mang súng giải đi trong mưa dầm nắng dãi...”

Sáng sớm, gà gáy đầu bắt đi, buổi chiều trời tối hẳn, dừng nghỉ tạm bị giam vào xà lim tạm thời, không cởi trói để ngủ. Ăn không đủ, bắn thủ, ở lẫn với những kẻ bệnh giang mai, nghiện thuốc phiện, nơi giam chật chội không có chỗ ngủ, có khi

tối ngủ phải ngồi trên cầu xí... có tối ngủ dậy thấy người bên cạnh đã chết cứng. Bản thủ mất vệ sinh, chấy rận, ghẻ lở khắp người... tất cả tập trung hành hạ con người đến gầy gò, hốc hác: “gầy nhor, que củi, tóc chổng bạc và rụng nhiều, mắt nhìn kém...” và nỗi khổ nhất đối với Người không phải đau đớn về thể xác mà về tinh thần. Trong tù ngồi nhàn rồi mà tình hình thế giới sôi động. Trong nước Cách mạng đang lên, ai là người lãnh đạo phong trào, ai giúp đỡ đồng bào tổ chức đấu tranh, các nước đồng minh đã tiến đến đâu? Nhật, Pháp đã cắn nhau chưa? Và cứ thế ngày này qua ngày khác, nhà tù này rồi đến nhà tù khác. Trong nước các đồng chí Trung ương rất lo lắng, cử người đi dò la tin tức nhưng lúc đầu bị nhầm lẫn tưởng Người đã chết trong tù, nhưng sau được tin Người còn sống và bị giải đi hết nhà tù này đến nhà tù khác. Các đồng chí bèn liền nhanh chóng tìm mọi cách để cứu Người ra khỏi ngục.

Lấy danh nghĩa “Phân hội Việt Nam của Hiệp hội Quốc tế phản xâm lược” - cơ quan của Đảng ở Tỉnh Tây đã gửi điện đến Trùng Khánh đề nghị thả “Hồ đại biểu” ra, nhưng vẫn chưa có kết quả. Ngày 15

tháng 12 năm 1942 gửi tiếp thông tin cho Thông tấn xã TASS Liên Xô ở Trùng Khánh cực lực phản kháng vụ bắt Hồ Chí Minh và đề nghị công bố lên toàn thế giới. Nhờ sự can thiệp tích cực từ nhiều hướng, kể cả các nhân vật trong chính giới Trung Quốc, cuối cùng Hồ Chí Minh được chuyển về nhà giam của Cục chính trị Đệ tứ chiến khu ở Liễu Châu. Tại đây Người được chế độ quản lý tốt hơn, không bị cùm, không bị xích, có đủ cơm ăn, nước uống và thỉnh thoảng được đọc sách báo. Ngày 10 tháng 9 năm 1943 Người được thả tự do. Trong thời gian 13 tháng ở tù, Người bị giam tại trên 30 nhà giam, trải qua 13 huyện của tỉnh Quảng Tây. Trong thời gian ở tù Người đã sáng tác 134 bài thơ bằng chữ Hán. Người chép vào một tập đóng bìa màu xanh, có ghi bốn chữ *Ngục Trung nhật ký* kèm theo bốn câu thơ ngũ ngôn và hình vẽ hai nắm tay bị xích. *Nhật ký trong tù* như một bộ sử bằng thơ kể lại những tháng gian khổ của một tù nhân “bất đắc dĩ”, phản ánh bộ mặt xã hội Trung Quốc những năm 1942 - 1943. Và cao cả hơn, *Nhật ký trong tù* đã thể hiện ý chí mãnh liệt, sức chịu đựng gian khổ và tinh thần lạc quan, một khí tiết lớn lao của

một lãnh tụ cách mạng. Bài thơ “Khai quyển” là một tiếng nói bất khuất:

*Thân thể ở trong lao
Tinh thần ở ngoài lao
Muốn xây sự nghiệp lớn
Tinh thần phải càng cao.*

Đó là chất thép trong thơ Hồ Chí Minh. Cả tập thơ là một bản hùng ca tráng lệ, là một tiêu biểu mẫu mực của nền văn học cách mạng. Tập thơ có một ngôn ngữ nghệ thuật độc đáo, dễ hiểu, cô đọng, trữ tình xen tự sự, xứng đáng là một viên ngọc lấp lánh trong nền văn hóa Việt Nam.

Tuy được thả tự do, nhưng vẫn bị quản chế. Tranh thủ thời gian này Người cố gắng rèn luyện để phục hồi sức khỏe. Người viết bài thơ “Mới ra tù tập leo núi”:

*Mây ôm núi, núi ôm mây
Lòng sông sạch chẳng mấy may
bụi hồng*

*Bùi ngùi dạo đỉnh Tây Phong
Trông về cố quốc, chạnh lòng nhớ ai.*

Sau đó Người gửi lời thơ này, kèm theo một bức thư gửi về nước báo tin đã được trả tự do, nhưng Quốc dân Đảng vẫn giữ Người làm “cố vấn”, ở nhà cần vận động tích cực hơn nữa để chúng tha thật sự.

Cuối tháng 10, tướng Trương Phát Khuê, Tư lệnh trưởng của Bộ Tư Lệnh Đệ tứ chiến khu yêu cầu Hồ Chí Minh tham gia Việt Nam Cách mạng Đồng minh Hội, tổ chức của người Việt Nam ở Trung Quốc, có nhiều đảng phái, các phe phái chống đối nhau. Lúc này Tưởng đang chuẩn bị chương trình “Hoa quân nhập Việt” nên cho củng cố lại tổ chức này. Chúng hy vọng Hồ Chí Minh có thể đóng vai trò đoàn kết các đảng phái. Trương Phát Khuê đề nghị Hồ Chí Minh hợp tác với Nguyễn Hải Thần trên cương vị Phó Chủ tịch Hội để cải tổ theo chiều hướng có lợi cho Tưởng. Lúc này chủ trương của ta tập trung đoàn kết mọi lực lượng, tận dụng mọi lợi thế cho ta theo mục tiêu độc lập dân tộc. Việt Nam Cách mạng Đồng minh Hội, tuy tư tưởng lộn xộn, song có chủ trương chống Nhật - Pháp, thực hiện Việt Nam độc lập. Với tinh thần ấy của Đảng, Hồ Chí Minh nhận lời tham gia cải tổ Việt Nam Cách mạng Đồng minh Hội, vừa là dịp tranh thủ lôi kéo những người có tư tưởng tiến bộ theo ta, cô lập tối đa bọn cơ hội, phản động. Tại Hội nghị trù bị của Việt Nam Cách mạng Đồng minh Hội, Hồ Chí Minh yêu cầu phải có đại biểu của Mặt trận Việt

Minh và đại biểu của các tổ chức thuộc Việt Minh (Hội truyền bá quốc ngữ, Hội Phật giáo...) tham gia. Đại hội đổi tên là Đại hội đại biểu các đoàn thể cách mạng Việt Nam ở hải ngoại. Ngày 16 tháng 3 năm 1944, Hồ Chí Minh thay mặt “Phân hội Việt Nam của Hiệp hội Quốc tế phản xâm lược” trình bày bản báo cáo về tình hình các đảng phái trong nước, chủ yếu nâng cao uy tín, nhấn mạnh công lao lớn nhất của Đảng Cộng sản. Người ra sức kêu gọi các đại biểu phải làm thế nào đoàn kết những lực lượng ngoài nước để cổ vũ cuộc đấu tranh ác liệt trong nước. Hồ Chí Minh được bầu làm ủy viên dự khuyết của Ban Chấp hành mới của Hội.

Trên cương vị mới, Người thảo kế hoạch lựa chọn thanh niên trong lớp huấn luyện ở Liễu Châu về nước phát triển lực lượng trên danh nghĩa “Hoa quân nhập Việt” nhưng thực chất đây là những thanh niên được Người tuyển cho tổ chức trong nước. Nhờ sự hỗ trợ của tướng Trương Phát Khuê, ngày 9 tháng 8 năm 1944, Hồ Chí Minh rời Liễu Châu. Cuối tháng 9 Người trở về đến Pác Bó.

Về đến Tổ quốc trong lúc tình hình đất nước chuyển biến nhanh chóng, Người

được nghe báo cáo tình hình, Tỉnh ủy Cao - Bắc - Lạng chuẩn bị phát động chiến tranh du kích liên tỉnh. Xét tình hình toàn cục chưa đủ điều kiện, nhiều nơi chưa sẵn sàng Tổng khởi nghĩa, Người liền quyết định đình hoãn lại chủ trương nói trên. Người phân tích: Bây giờ thời kỳ hòa bình đã qua, nhưng thời kỳ Tổng khởi nghĩa chưa đến. Nếu phát động diện rộng, ta chưa đủ khả năng về vũ khí, và sự nổi dậy đồng đều như vậy địch sẽ tập trung đàn áp sẽ gây nhiều tổn thất cho toàn cục. Cao - Bắc - Lạng mới chỉ là cục bộ chưa phải là toàn cục.

Người chỉ rõ cuộc đấu tranh lúc này bằng hình thức chính trị ưu thế hơn quân sự và phải đồng thời kết hợp đấu tranh từ hình thức chính trị tiến lên hình thức vũ trang. Tháng 10 năm 1944 Hồ Chí Minh viết bài “Thân gửi đồng bào toàn quốc”. Trong bài viết chỉ rõ những nhiệm vụ và thời cơ cách mạng đang đến gần: “Cơ hội cho dân tộc giải phóng chỉ ở trong một năm hoặc năm rưỡi nữa. Thời gian rất gấp. Ta phải làm nhanh”. Tháng 11 năm 1944 sau khi đi thăm Đội tự vệ chiến đấu Châu Hồng Phong (Hà Quảng) Người quyết định thành lập Đội Việt Nam Tuyên truyền giải

phóng quân, và giao cho đồng chí Võ Nguyên Giáp chuẩn bị. Trong chỉ thị thành lập Đội Việt Nam Tuyên truyền giải phóng quân, Người nêu rõ: “Tên đội Việt Nam Tuyên truyền giải phóng quân nghĩa là chính trị trọng hơn quân sự. Nó là “đội tuyên truyền”, đội có nhiệm vụ dìu dắt cán bộ vũ trang các địa phương, giúp đỡ huấn luyện, giúp đỡ vũ khí, nếu có thể được làm cho các đội này trưởng thành mãi. Lực lượng của đội được lựa chọn từ những hạt nhân tiên tiến của đội du kích Cao - Bắc - Lạng”. Chỉ thị là một tài liệu cô đọng, súc tích, như một cương lĩnh quân sự của Đảng ta. Sau đó một thời gian, ngày 22 tháng 12 năm 1944 tại rừng Sam Cao (mang tên chiến khu Trần Hưng Đạo), Cao Bằng, Đội Việt Nam Tuyên truyền giải phóng quân chính thức ra đời. Đội gồm 34 đội viên do đồng chí Võ Nguyên Giáp chỉ huy. Vừa mới thành lập được 3 ngày, vào ngày 25 tháng 12 năm 1944 Đội ra quân đánh thắng đồn Phai Khắt, sau đó đồn Nà Ngần, thực hiện chỉ thị của Hồ Chí Minh “trận đầu phải thắng” mở ra một truyền thống anh dũng vẻ vang của quân đội ta “trăm trận trăm thắng”.

Chính phủ Đờ Gôn lên nắm quyền ở Pari, bắt đầu trở lại chính trường, đòi lại những mảnh đất thuộc địa đã bị mất, trong đó có Đông Dương. Chúng bắt đầu thiết lập mạng lưới tình báo theo dõi sát tình hình Đông Dương. Nhưng theo Hội nghị Cairô tháng 11 năm 1943, Đông Dương thuộc diện ủy trị của Mỹ và Trung Quốc, do đó Mỹ cố ngăn cản Pháp trở lại Đông Dương. Hồ Chí Minh rất ý thức được sự chuyển hướng phức tạp của sân khấu chính trị quân sự quốc tế. Do đó Người quyết định sớm tiếp xúc với lực lượng Đồng minh, mong sao đưa cuộc chiến giành độc lập dân tộc của Mặt trận Việt Minh đến trước bàn tròn quốc tế.

Tháng 2 năm 1945, nhân sự kiện Trung úy phi công Mỹ bốn sao được ta cứu thoát, và được Hồ Chí Minh đưa trở về đại bản doanh Bộ Tư lệnh không quân Mỹ ở Trùng Khánh. Hồ Chí Minh nhân danh Việt Minh lực lượng đứng về phe Đồng minh đến Côn Minh tiếp xúc với người Mỹ. Người Mỹ rất cảm ơn lực lượng Việt Minh của Hồ Chí Minh đã cứu thoát phi công Mỹ. Sau đó ngày 29 tháng 3 năm 1945 Hồ Chí Minh đến Côn Minh gặp tướng Sênôn, Tư lệnh không đoàn Cọp Bay của Mỹ ở Trung

Quốc. Cuộc trao đổi đã đi đến thoả thuận: người Mỹ có thể cung cấp vũ khí, thuốc men, điện đài cho Việt Minh và có thể huấn luyện Việt Minh biết sử dụng những thứ đó. Từ Côn Minh Hồ Chí Minh đi máy bay đến Bách Sắc, một địa điểm chiến lược ở Tây Nam Quảng Tây để tìm gặp Đồng minh Hội, lúc này đang sơ tán về đây. Người lựa chọn một số trong nhóm Việt Minh hoạt động tích cực cùng Người trở về nước.

Quý giá của chuyến đi là đã giới thiệu hoạt động của Việt Minh với người Mỹ, để tranh thủ sự giúp đỡ cần thiết cho cuộc đấu tranh lâu dài.

Trong thời gian Hồ Chí Minh đi Trung Quốc, ở nhà tình hình chuyển biến nhanh chóng. Thường vụ Trung ương dưới sự chủ tọa của Tổng bí thư Trường Chinh họp Hội nghị mở rộng đánh giá tình hình. Hội nghị nhận định việc Nhật đảo chính Pháp đã tạo nên sự khủng hoảng chính trị ở Đông Dương, tạo thời cơ “Tiền khởi nghĩa”. Nhiệm vụ toàn Đảng là phát động cao trào kháng Nhật. Chỉ thị của Đảng đã tạo nên một làn sóng khắp cả nước cao trào đấu tranh chính trị và khởi nghĩa vũ trang. Ngày 15 tháng 3 năm 1945 Tổng

bộ Việt Minh phát “Hịch kháng Nhật cứu nước” kêu gọi tập trung tổng lực cho cuộc khởi nghĩa vùng lên cướp chính quyền. Ngày 16 tháng 3 năm 1945 Tổng bộ Việt Minh ra chỉ thị về “Việc tổ chức các ủy ban dân tộc giải phóng” coi đó là “hình thức tiền - Chính phủ, trong đó nhân dân học tập để tiến lên giữ chính quyền cách mạng”. Tình hình chuyển biến mau lẹ. Nếu ở Pác Bó sẽ khó chỉ đạo cách mạng cả nước, vì vậy tháng 5 năm 1945 Hồ Chí Minh quyết định rời đại bản doanh từ Pác Bó về Tân Trào (Tuyên Quang), nơi trung tâm của cách mạng.

Tại đây, Người tranh thủ làm việc nhiều, quyết định những vấn đề hệ trọng như thành lập Khu giải phóng gồm các tỉnh Cao - Bắc - Lạng - Hà - Tuyên - Thái và một số vùng của các tỉnh Bắc Ninh, Phú Thọ, Yên Thế, Vĩnh Yên... Ngày 4 tháng 6 năm 1945 Khu giải phóng được Bộ Tổng Việt Minh ra tuyên bố thành lập. Các nơi đều lập Ủy ban nhân dân, xây dựng cuộc sống hòa bình thực sự “trở thành một nước Việt Nam mới”.

Thời gian này, Mỹ cho một số người và vũ khí, khí tài sang giúp ta. Đây là thời kỳ “hợp tác Việt - Mỹ” đầu tiên trong lịch sử

hai dân tộc. Họ đã đào tạo cho ta kỹ thuật vô tuyến điện, và huấn luyện quân sự...

Trong lúc đó, Người bị ốm nặng, sốt rét rừng đến với Người từng cơn rất nguy kịch, nhiều lúc mê man bất tỉnh. Khi tỉnh dậy Người lại hỏi tình hình và dặn dò công việc. Người căn dặn đồng chí Võ Nguyên Giáp: “Lúc này thời cơ thuận lợi đã tới, dù hy sinh tới đâu, dù phải đốt cháy cả dãy Trường Sơn cũng phải kiên quyết giành cho được độc lập”.

Nhờ tích cực tìm thấy thuốc trong nhân dân, với kinh nghiệm dân gian có bài thuốc chữa đúng bệnh nên chỉ qua mấy ngày uống thuốc, bệnh tình của Người giảm dần. Người tỉnh dậy và lao vào công việc ngay. Người đề nghị Trung ương cần triệu tập gấp Hội nghị toàn quốc của Đảng và Đại hội đại biểu quốc dân, chuẩn bị Tổng khởi nghĩa.

Qua chiếc đài thu thanh, ngày 6 háng 8 năm 1945 được tin Mỹ ném bom nguyên tử xuống nước Nhật, Người yêu cầu triệu tập gấp Hội nghị toàn quốc của Đảng. Người nói: “Nên họp ngay, cũng không nên kéo dài Hội nghị. Chúng ta cần tranh thủ từng giây, từng phút. Tình hình chuyển biến nhanh chóng. Không thể bỏ lỡ cơ hội”.

Vượt qua muôn vàn khó khăn về đường đi, giặc kiểm soát gắt gao, nhưng ngày 13, 14, 15 tháng 8, Hội nghị đã tiến hành tại đình Tân Trào. “Hội nghị nhận định điều kiện khởi nghĩa ở Đông Dương đã chín muồi. Toàn dân đang sôi nổi đợi giờ khởi nghĩa giành quyền độc lập”. Hội nghị quyết định thành lập Ủy ban Khởi nghĩa toàn quốc gồm 5 người do đồng chí Tổng bí thư Trường Chinh phụ trách. 23 giờ ngày 13 tháng 8 năm 1945 Ủy ban Khởi nghĩa ra Quân lệnh số 1, hạ lệnh Tổng khởi nghĩa.

Hội nghị đang thảo luận thì nghe tin Nhật tuyên bố đầu hàng Đồng minh. Hồ Chí Minh đề nghị Hội nghị nên mau chóng kết thúc để các đại biểu kịp trở về địa phương lãnh đạo cướp chính quyền.

Đã được thông báo trước về Quốc dân Đại hội, nên các đại biểu đã nhanh chóng có mặt tại đình Tân Trào. Ngày 16 và 17 tháng 8 năm 1945, Quốc dân Đại hội được tiến hành tại đình Tân Trào. Tới dự Đại hội có 60 đại biểu Bắc - Trung - Nam và đại biểu đại diện cho kiều bào ở nước ngoài. Dưới quyền chủ tọa của Hồ Chí Minh, Đại hội đã bầu ra Ủy ban Dân tộc giải phóng Việt Nam tức Chính phủ lâm thời do Hồ

Chí Minh làm Chủ tịch và bầu một Ủy ban Thường trực gồm 5 người. Ngày 17 tháng 8 năm 1945 trước đình Tân Trào thay mặt Ủy ban Dân tộc giải phóng Chủ tịch Hồ Chí Minh đọc lời tuyên thệ trong buổi đầu ra mắt Quốc dân của Ủy ban.

Sau ngày Đại hội Quốc dân, Chủ tịch Hồ Chí Minh thay mặt Ủy ban Dân tộc giải phóng đã ra lời kêu gọi Tổng khởi nghĩa gửi đến đồng bào toàn quốc ký tên là Nguyễn Ái Quốc.

Bệnh tình tạm đỡ, nhưng còn yếu, gầy, đi lại khó khăn nhưng Chủ tịch Hồ Chí Minh quyết định về ngay Thủ đô Hà Nội để trực tiếp cùng Trung ương Đảng giải quyết những vấn đề trọng đại. Trên đường đi Người còn rất yếu có lúc phải dùng拐杖. Tối ngày 23 tháng 8 năm 1945 Người về đến làng Gạ (Phú Gia - Từ Liêm), ở nhà một cơ sở cách mạng. Ngày 25 tháng 8 năm 1945 Người nghe đồng chí Võ Nguyên Giáp, Trần Đăng Ninh báo cáo về thắng lợi của khởi nghĩa ở Hà Nội và các tỉnh, về chủ trương của Ban Thường vụ dự định tổ chức sớm ra mắt Chính phủ lâm thời. Chiều hôm đó đồng chí Trường Chinh lên đón Người về Hà Nội.

11. KHAI SINH NƯỚC VIỆT NAM DÂN CHỦ CỘNG HÒA

Tại ngôi nhà 48 phố Hàng Ngang, Hồ Chí Minh bắt tay soạn thảo bản *Tuyên ngôn độc lập*, một văn kiện lịch sử sẽ “tồn tại mãi với thời gian cùng dân tộc”. Người viết trong niềm cảm hứng mãnh liệt, niềm vui trào dâng, lòng tự hào như được nhân lên từ hàng nghìn năm của lịch sử dân tộc. Người nói với các đồng chí thân cận: Trong đời hoạt động cách mạng của mình, Người đã từng viết nhiều nhưng đến bây giờ mới viết được một bản *Tuyên ngôn* như vậy. Mỗi câu, mỗi chữ là khát vọng, tiếng nói âm vang từ trái tim, trí tuệ của người dân Việt Nam hướng tới độc lập, tự do, hạnh phúc. Từ trong đêm tối nô lệ thực dân phong kiến, cả dân tộc đổ máu hy sinh, để có được ánh sáng chân lý, được ngẩng cao đầu làm con người tự chủ. Hơn ai hết, Chủ tịch Hồ Chí Minh từ tuổi trẻ mang nỗi khát vọng lý tưởng vì dân vì nước, xả thân bất chấp gian khó, nguy hiểm, kiên trì đấu tranh không mệt mỏi đi tìm và mang về cho Tổ quốc bản hùng ca tự do và độc lập.

Tại đây, Người triệu tập cuộc họp với Ban Thường vụ Trung ương để thảo luận những vấn đề quan trọng trong tình hình mới, đặc biệt phải sớm công bố danh sách các thành viên Chính phủ lâm thời. Người đề nghị mở rộng thành phần Chính phủ hơn nữa, bao gồm các đại biểu nhân dân, các đảng phái yêu nước và các nhân sỹ không đảng phái. Cần tổ chức cuộc mít tinh lớn ở Hà Nội để ra mắt Chính phủ lâm thời và cũng là ngày Việt Nam tuyên bố độc lập.

Ngày 2 tháng 9 năm 1945 cả Hà Nội rợp trời cờ đỏ sao vàng, tung bùng, rạo rực khí thế cách mạng, khí thế độc lập. Mỗi ngôi nhà, góc phố chẳng kín biểu ngữ bằng nhiều thứ tiếng khác nhau : “Độc lập hay là chết”; “Nước Việt Nam của người Việt Nam”; “Ủng hộ Chính phủ Hồ Chí Minh”...

Từ trưa, các ngã đường dẫn tới vườn hoa Ba Đình đông kịt người, đủ các màu sắc rực rỡ. Đúng 2 giờ chiều các thành viên Chính phủ do Chủ tịch Hồ Chí Minh dẫn đầu hướng lên lễ đài. Bài “Tiến quân ca” vang lên, lá cờ đỏ sao vàng từ từ kéo lên. Một rừng người im lặng tay nắm chắc gờ lên nghiêm trang chào Tổ quốc. Chủ tịch Hồ Chí Minh thay mặt Chính phủ lâm thời đọc bản *Tuyên ngôn độc lập*, giọng âm vang

từ nghìn năm của dân tộc dồn nén trong giờ phút trọng đại. Rừng người vỗ tay, hoan hô nhiệt liệt. Đang đọc Người dừng lại hỏi :

“- Tôi nói đồng bào nghe rõ không ?”

Hơn nửa triệu người đồng thanh đáp lại “có” âm vang như sấm dậy.

Không khí buổi lễ như lắng xuống để hưởng ứng lời tuyên bố của dân tộc : “Nước Việt Nam có quyền hưởng tự do và độc lập và thực sự trở thành một nước tự do và độc lập. Toàn thể dân tộc Việt Nam quyết đem tinh thần và lực lượng, tính mạng và của cải để giữ vững quyền tự do độc lập ấy”.

Tuyên ngôn độc lập - bản hùng ca Người đã viết bằng cả cuộc đời hy sinh cống hiến, cả dân tộc suốt nghìn năm đổ máu để có ngày độc lập, đứng dậy làm người tự do. Từ đây dân tộc Việt Nam kiêu hãnh tự hào bước vào một kỷ nguyên mới - kỷ nguyên độc lập tự chủ xây dựng ấm no hạnh phúc.

Bắt đầu một trang mới đấu tranh quyết liệt bảo vệ thành quả đã đạt được, mở đầu những ngày đấu tranh gay go ác liệt chống thù trong giặc ngoài. Bắt đầu cuộc vận lý trường chinh chống kẻ thù xâm

lược để khẳng định lời thề độc lập tại Quảng trường Ba Đình ngày 2 tháng 9 năm 1945.

Không khí sục sôi của những ngày cách mạng tháng Tám đi qua như một giấc mơ kỳ diệu. Cả dân tộc bắt tay vào cuộc chiến đấu phức tạp khó khăn chống chất để bảo vệ sự tồn vong của mình. Cả đất nước phải đối mặt với một nền kinh tế đình đốn do chiến tranh và nạn đói khủng khiếp cướp đi hơn hai triệu sinh mệnh người Việt Nam, ngân khố quốc gia trống rỗng, trình độ văn hóa của nhân dân còn kém, phần lớn là mù chữ. Đội ngũ cán bộ chính quyền từ cơ sở lên đến Trung ương còn mỏng, thiếu và trình độ còn non kém. Ta tuyên bố độc lập nhưng chưa quốc gia nào trên thế giới thừa nhận. Kẻ thù trong nước và nước ngoài đang tính đến canh bạc xóa bỏ chính quyền còn non trẻ. Phía Nam quân Anh kéo vào. Phía Bắc 20 vạn quân Tưởng đã vượt biên giới Việt - Trung. Tính tổng số quân đội nước ngoài có mặt ở nước ta lúc đó lên tới con số kỷ lục : 30 vạn lính chiến. Đất nước đứng trên thế “ngành cân treo sợi tóc”. Các đảng phái phản động trong nước, được hậu thuẫn của bọn đế quốc ngày đêm rình rập lật đổ chính quyền cách mạng.

Nhưng chính thời điểm lịch sử gay cấn đó thiên tài Hồ Chí Minh đã tỏa sáng, trở thành vị cứu tinh cho giống nòi nước Việt. Người là ngôi sao dẫn đường trong đêm tối mịt mùng, là ngọn cờ đoàn kết tập hợp triệu trái tim, là chiến sỹ tiên phong đi đầu đoàn quân, là người thủy thủ dạn dày phong ba bão táp chèo lái con thuyền cách mạng vượt bão tố hướng tới bến bờ vinh quang. Ngay sau ngày Tuyên ngôn độc lập, ngày 3 tháng 9 năm 1945 tại Bắc Bộ Phủ, Người chủ tọa phiên họp đầu tiên của Hội đồng Chính phủ, lời khai mạc giản dị, đi thẳng vào sáu vấn đề cấp bách để cứu nguy dân tộc : một là nạn đói, hai là thanh toán nạn dốt, ba là tổ chức Tổng tuyển cử, bốn là xóa bỏ hủ tục, năm là bỏ ngay các thứ thuế bóc lột vô nhân đạo, sáu là thực hiện tự do tín ngưỡng lương giáo, đoàn kết.

Người đề nghị Hội đồng Chính phủ phát động chiến dịch tăng gia sản xuất, quyên góp cứu đói. Người kêu gọi đồng bào cứu đói cũng như chống ngoại xâm.

Hưởng ứng lời hiệu triệu của Chủ tịch Hồ Chí Minh cả nước xuống đường “tác đất, tác vàng” từ Chủ tịch nước, các bộ trưởng, đến các nhân viên Chính phủ, thân sĩ trí thức... ai ai cũng tham gia lao động

sản xuất, quyền góp thóc khoai cứu đói người thất bát; Người nói thật cảm cộng : “Lúc ta nâng bát cơm mà ăn, nghĩ đến kẻ đói khổ, chúng ta không khỏi động lòng. Vậy tôi đề nghị với đồng bào cả nước và tôi xin thực hiện trước : cứ 10 ngày nhịn ăn một bữa, mỗi tháng nhịn ăn 3 bữa đem gạo đó (mỗi bữa một bơ) để cứu dân nghèo”. Nhớ hôm phát động quyền góp tại Nhà hát lớn Hà Nội, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nêu gương trước, Người mang phần gạo tiết kiệm của mình đóng góp đầu tiên. Hưởng ứng hành động tiên phong đó của Người, cả nước dấy lên một cao trào tương thân tương ái, “lá lành đùm lá rách”, dưới các hình thức phong phú “Hũ gạo tiết kiệm” hay “Ngày đồng tâm nhịn ăn” v.v... thức tỉnh mỗi lương tri, giúp người nghèo khổ tức là giúp cách mạng, giúp chính quyền và chính là giúp ngay bản thân mình giữ vững quyền làm chủ. Chỉ một tuần quyền góp, cả nước đã có hàng vạn tấn gạo cứu đói. Nạn đói không còn đe dọa chính quyền nhân dân non trẻ nữa.

Chính quyền của dân bắt đầu thực thi những chính sách công bằng. Chủ tịch Hồ Chí Minh thay mặt Chính phủ ký một loạt sắc lệnh bãi bỏ các thứ thuế bất công như

thuế thân, thuế chợ, thuế đò, miễn thuế cho vùng khó khăn, vùng có chiến sự. Ban hành các sắc lệnh tự do tín ngưỡng, cấm hút thuốc phiện, bãi bỏ các tệ nạn xã hội, giảm tô 25% cho nông dân; chia ruộng của bọn thực dân và ruộng công cho nông dân. Nhờ đó Chính phủ lâm thời đứng đầu là Chủ tịch Hồ Chí Minh đã tạo được uy tín trong quốc dân. Nhà nước còn trống rỗng về kinh tế - một nguy cơ tiềm ẩn khi đứng trước những khó khăn lớn đang đến gần. Theo sáng kiến của Chủ tịch Hồ Chí Minh phát động trong toàn quốc Tuần lễ vàng và Quỹ độc lập để ủng hộ Chính phủ. Chỉ trong một thời gian ngắn phát động, cả nước đã tự nguyện góp 370kg vàng, 20 triệu đồng vào Quỹ độc lập và 40 triệu đồng vào “Quỹ Đảm phụ quốc phòng”.

Song song với việc cứu nguy dân tộc bằng các hình thức phong phú, huy động sức của còn tiềm ẩn trong những người giàu có, Chủ tịch Hồ Chí Minh phát động chiến dịch diệt giặc đói. Người viết : “Một dân tộc đói là một dân tộc yếu”. Người phát động cả nước mở phong trào thanh toán nạn mù chữ : Người ký sắc lệnh thành lập Nha Bình dân học vụ. Nhân dịp năm học mới, Người viết thư gửi các học sinh :

“Non sông Việt Nam có trở nên tươi đẹp hay không, dân tộc Việt Nam có bước tới đài vinh quang để sánh vai với các cường quốc năm châu được hay không chính là nhờ một phần lớn ở công học tập của các cháu”. (*Hồ Chí Minh toàn tập*. Tập 4, tr.33) Hậu quả của chế độ cũ để lại cho chính quyền mới còn nhiều việc cần phải khắc phục. Các tệ nạn xã hội, các hủ tục lạc hậu, lối sống, tác phong, thói quen suy nghĩ, thói quen lao động còn nhiều phức tạp và cản trở đối với một xã hội văn minh. Chủ tịch Hồ Chí Minh chủ trương mở cuộc vận động xây dựng “Đời sống mới”.

Để khẳng định với thế giới, với quốc dân đồng bào về tính hợp pháp, hợp hiến của một chính thể và thực sự thực hiện quyền làm chủ của nhân dân, Chủ tịch Hồ Chí Minh chủ trương tiến hành gấp Tổng tuyển cử bầu Quốc hội. Tuy kẻ thù, đặc biệt các đảng phái phản động ra sức công kích, phá hoại nhưng với sách lược mềm dẻo, đối sách khôn khéo, Người đã lãnh đạo toàn dân thực hiện thành công cuộc Tổng tuyển cử bầu Quốc hội. Trên tinh thần đại đoàn kết dân tộc, Người đề nghị Quốc hội mở rộng thêm 70 ghế không qua bầu cử cho các đại biểu Việt Cách và Việt

Quốc, những kẻ trong quá trình bầu cử đã bị nhân dân bằng lá phiếu tự nguyện của mình gạt ra khỏi sân khấu chính trị. Chủ tịch Hồ Chí Minh tham gia đi bỏ phiếu ở Hà Nội và đạt tín nhiệm cao nhất với 98,4% số phiếu bầu. Người xứng đáng là công dân số một, công dân vĩnh cửu của Nhà nước mới, của lòng dân.

Qua 6 tháng phấn đấu không mệt mỏi, Quốc hội đã được tổ chức thành công. Được sự nhất trí cao của Quốc hội, Chính phủ liên hiệp kháng chiến được thành lập do Người làm Chủ tịch. Trong lời tuyên thệ nhận chức, Người nói : “Trước bàn thờ thiêng liêng của Tổ quốc, trước Quốc hội, thề xin cương quyết lãnh đạo nhân dân kháng chiến, thực hiện nền Cộng hòa dân chủ Việt Nam, mang tự do, hạnh phúc cho dân tộc. Trong công việc giữ gìn nền độc lập, chúng tôi quyết vượt mọi nỗi khó khăn, dù phải hy sinh tính mệnh cũng không từ”. (*Hồ Chí Minh toàn tập*. Tập 4, tr.195).

Song song giải quyết các vấn đề đối nội, công việc đối ngoại cũng được Chủ tịch Hồ Chí Minh quan tâm chỉ đạo. Người đã thực hiện một loạt các hoạt động mang tính pháp lý ngoại giao của Chính phủ lâm thời.

Người đã công bố chính sách ngoại giao 4 điểm của nước Việt Nam dân chủ cộng hòa dựa trên những nguyên tắc tự do, bình đẳng và quyền dân tộc tự quyết đã được các nước Đồng minh ghi nhận trong Hiến chương Đại Tây Dương và Xanphranxixcô.

Được tin Liên hiệp quốc thành lập Ủy ban tư vấn về viễn Đông, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã hoan nghênh sự kiện trên và cực lực lên án việc nước Pháp là thành viên trong Ủy ban đó. Với sự phân tích sắc sảo có tính pháp lý quốc tế cao : sự vắng mặt của Việt Nam trong Ủy ban, và sự có mặt của Pháp trong Ủy ban là sự đại diện thiếu cơ sở pháp lý vì thực tế Pháp không có quyền vì Pháp đã bán Đông Dương cho Nhật, đã phản bội các nước Đồng minh. Chiếu theo Hiến chương của Liên hiệp quốc thì Việt Nam có đủ các điều kiện tham gia Ủy ban đó.

Nhưng Liên hiệp quốc vẫn cố tình làm ngơ. Người viết thư phản đối việc làm sai trái đó tới Ngoại trưởng Mỹ. Được tin Liên hiệp quốc nhóm họp ở Luân Đôn có lập Tiểu ban xét đơn của các nước nhược tiểu. Ngày 14 tháng 1 năm 1946 Chủ tịch Hồ Chí Minh đã gửi điện đến Chủ tịch Hội đồng Liên hiệp quốc và các ngoại trưởng

các cường quốc đề nghị đưa vấn đề Việt Nam ra Liên hiệp quốc yêu cầu thừa nhận nền độc lập của Việt Nam và kết nạp Việt Nam vào Liên hiệp quốc.

Tiếng nói đầu tiên gõ vào dư luận quốc tế, đòi Liên hiệp quốc bênh vực những yêu cầu chính đáng của một dân tộc. Tuy không hy vọng giải quyết ngay được, vì nhiều lý do khách quan khác nhau, nhưng chí ít cũng làm cho Liên hiệp quốc, cho các cường quốc trên thế giới biết tới khát vọng của một dân tộc, biết đến cuộc chiến đấu vì độc lập tự do của nhân dân Việt Nam.

Ý thức sâu sắc “đem sức ta để giải phóng cho ta”, ý chí tự cường dân tộc đã quyết định mọi thắng lợi, đó cũng là bản chất cơ bản nhất của Cách mạng Việt Nam. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã thực hiện thắng lợi đại đoàn kết dân tộc. Tất cả các đảng phái tiến bộ, các nhân sĩ, các điền chủ, thương gia, các tôn giáo, các lứa tuổi, các giới, các lực lượng xã hội nếu là người Việt Nam đều đứng lên bảo vệ bằng được các quyền độc lập tự do; bảo vệ quyền giải quyết việc nước, việc nhà không có bàn tay xúi giục, can thiệp ngoại bang. Khơi dậy ý thức dân tộc nên triệu triệu người dân ủng hộ Chủ tịch Hồ Chí Minh. Ngoài

Mặt trận Việt Minh, Người chủ trương thành lập thêm các tổ chức mới như Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam, Hội Liên hiệp quốc dân Việt Nam, gọi tắt là Liên Việt nhằm tập hợp mọi lực lượng của dân tộc chưa tham gia Mặt trận Việt Minh. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã cảm hóa nhiều nhân sĩ trí thức, quan lại của chế độ cũ, trong đó có Cựu hoàng Bảo Đại. Người đã mời ông ra làm cố vấn tối cao cho Chính phủ. Bảo Đại rất sung sướng. Khi ra Hà Nội làm việc, Bảo Đại đã viết thư về bà Từ Cung rằng ông được Chủ tịch Hồ Chí Minh “thương như con”. Ngoài ra Người còn cử đặc phái viên Chính phủ vào Huế thăm hai bà Thành Thái và Duy Tân, cấp tiền giúp hai bà hàng tháng. Với lòng thành mong muốn đại đoàn kết toàn dân tộc, Hồ Chí Minh đã mời được nhiều nhân sĩ danh tiếng như cụ Huỳnh Thúc Kháng, Nguyễn Văn Tố tham gia Chính phủ. Người đã tin tưởng và mạnh dạn sử dụng những ông quan thượng thư, đại thần triều đình Huế như cụ Phan Kế Toại, Bùi Bằng Đoàn, Phạm Khắc Hòe... Người nói thẳng quan điểm của mình : “Chỉ sợ lòng mình không rộng chứ không sợ người ta không theo mình”. Đối với những người vì lý do này

khác mà lầm đường lạc lối, tấm lòng bao dung của Người vẫn mở rộng, không để một ai đứng ngoài làm kẻ thù dễ lôi kéo, lợi dụng. Nghe tin Trần Trọng Kim ra Hà Nội, Chủ tịch Hồ Chí Minh cử ông Hoàng Minh Giám đi tìm mời hợp tác nhưng tiếc rằng không gặp được. Biết tin Ngô Đình Diệm bị bắt giam tại nhà tù Hà Nội, Người đã ra lệnh thả họ Ngô và muốn hợp tác nhưng do đầu óc hẹp hòi, thiển cận họ Ngô đã từ chối. Nhận xét về cái chết của bác sĩ Nguyễn Văn Thỉnh - cái chết sám hối vì sai lầm đã ra làm Thủ tướng bù nhìn cho Pháp, Người nói : “Về chính trị ông Nguyễn Văn Thỉnh đã đi lầm đường nên bị cô lập. Nhưng ông chết đi thì dù sao nước Việt Nam đang rất cần những nhân tài như ông để kiến thiết”.

Chủ tịch Hồ Chí Minh quan tâm nhiều tới sự đoàn kết các tôn giáo. Người đã mời Giám mục là Lê Hữu Từ, Hồ Ngọc Cẩn tham gia Đoàn cố vấn tối cao của Chính phủ. Người đã trực tiếp vào Phát Diệm thăm giám mục Lê Hữu Từ và các linh mục giáo xứ Ninh Bình. Người nói với cha Từ : “Tôi về đây với một tấm lòng sốt sắng và thân mật... Dù Công giáo hay không Công giáo. Dù Phật giáo hay không Phật

giáo đều phải đấu tranh cho nền độc lập nước nhà". Trưa hôm đó Người dùng cơm cùng với cha Từ và một nhà sư - một hình ảnh đẹp của đoàn kết hòa hợp tôn giáo. Nhớ hôm vào thăm chùa Bà Đá ở Trung tâm Hà Nội, dự lễ cầu siêu cho các chiến sĩ và ăn cơm chay với các sư. Người nhắc lại lời Phật dạy : "Làm Phật pháp không được xa rời thế gian. Phật thoại kể rằng ngày xưa các vị sư ở Ngũ Đài Sơn đã xuống núi đánh Ma Vương, cứu độ chúng sinh. Ngày nay Ma Vương chính là thực dân Pháp xâm lược. Vì vậy cần phải đoàn kết toàn dân, đoàn kết tôn giáo để đánh giặc cứu dân, cứu nước...".

Sau ngày có chính quyền cách mạng, trên cương vị Chủ tịch nước, Bộ trưởng Bộ Ngoại giao, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã tiến hành đường lối đối ngoại mềm dẻo, phân hóa tối đa kẻ thù, nắm vững chủ quyền đất nước, độc lập về chính trị, nhân nhượng về kinh tế, tranh thủ thời gian củng cố lực lượng chuẩn bị kháng chiến sau này. Để có điều kiện đối phó với kẻ thù hiếu chiến phía Nam, phía Bắc phải có sách lược rất mềm dẻo với 20 vạn quân Tưởng. Bọn tướng của Tưởng vào Việt Nam có nhiều mục đích và quyền lợi khác nhau.

Tuy là mục đích “diệt Cộng cầm Hồ” nhưng bọn chúng mâu thuẫn gay gắt về quyền lợi. Biết Lư Hán không thích gì Pháp, vì Pháp đã có lần thu của y hàng vạn tấn hàng hóa; còn đối với Tưởng, qua vụ Tưởng tiêu diệt vây cánh của y là tướng Long Vân, Lư Hán rất bất mãn với Tưởng. Còn Tiên Văn thì Người đã từng quen biết hồi ở Đệ tứ chiến khu. Đó là một viên tướng chính trị. Còn Chu Đức Thành thô bạo, quân phiệt. Tuy mỗi kẻ mỗi bộ dạng khác nhau, nhưng sang Việt Nam chỉ có một mục đích duy nhất là vơ vét làm giàu. Nắm được đối thủ, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã có những đôi sách khôn khéo phù hợp với mỗi đối tượng. Thời kỳ đầu chúng vừa mới vào rất hung hăng, tướng thì đòi hết yêu sách này đến yêu sách khác, quân thì cướp bóc vơ vét. Tình hình rất căng thẳng. Chỉ cần một mâu thuẫn va chạm nhỏ cũng có thể xảy ra xung đột lớn. Chủ tịch Hồ Chí Minh căn dặn cán bộ và đồng bào phải hết sức bình tĩnh, kiên nhẫn để cứu nước. Ngày 30 tháng 3 năm 1946 trong phiên họp Hội đồng Chính phủ, Người căn dặn khi có sự xung đột giữa ta và Việt Nam Quốc dân Đảng phải “dàn xếp làm sao cho đại sự thì thành tiểu sự và tiểu sự thì thành vô sự”.

Khi Tiên Văn vừa mới sang, Người chủ động đến thăm trước để tỏ lòng hiếu khách. Người ân cần thăm hỏi, giải thích tình hình, đề nghị cùng hợp tác để giải quyết các vấn đề nảy sinh. Người mở tiệc chiêu đãi vợ chồng Tiên Văn và tặng vợ y một số đồ trang sức, sau đó tạo điều kiện cho vợ y buôn bán gạo và hàng hóa sang Hồng Kông. Nhờ đó Tiên Văn đã có bước chuyển biến, không hung hăng đòi lật đổ Chính phủ. Đối với Lư Hán cũng vậy, Người chủ động đến thăm nhắc lại kỷ niệm đã qua, một thời “Hoa - Việt thân thiện”; ngày nay chủ trương của Chính phủ lâm thời vẫn áp dụng tối hậu quốc dành cho Hoa kiều và trao đổi những vấn đề về hợp tác hai bên. Lư Hán yêu cầu ta phải bảo vệ tốt an ninh, trật tự để y không phải dùng người của y. Như vậy Lư Hán nghiêm nhiên công nhận Chính phủ ta. Ngoài lời kéo, cảm hóa những viên tướng đầu sỏ, Người khuyên cán bộ các cấp cũng phải tiến hành công tác “binh vận” bọn cấp dưới, làm cho chúng bớt hung hãn, và tôn trọng ta. Người căn dặn: “Người cương thì mình phải nhu, phải khôn khéo lấy nhu thắng cương thì mới là biết mình, biết người”.

Nhân dịp Hà Ứng Khâm - Tổng tham mưu Trưởng quân đội Tưởng Giới Thạch

và tướng Mắc Clơơ - Tổng chỉ huy lực quân Mỹ ở Trung Hoa sang Việt Nam, Người chỉ thị chuẩn bị một cuộc mít tinh tuần hành lớn với danh nghĩa hoan nghênh phái bộ Đồng minh nhưng thực chất là biểu dương lực lượng của quần chúng cách mạng xung quanh Hồ Chí Minh. Cuộc tuần hành đến ba mươi vạn người chĩnh tề, cờ, biểu ngữ, hô vang, “ủng hộ Chính phủ lâm thời”, “ủng hộ Chủ tịch Hồ Chí Minh”. Hà Ưng Khâm sang là để thuyết phục Tiên Văn ủng hộ quân Pháp. Nhưng khi thấy lực lượng ta lớn mạnh, nhân dân đồng lòng ủng hộ Hồ Chí Minh, cuối cùng y phải thỏa thuận với Lư Hán “điều đình không chính thức với Hồ Chí Minh và Chính phủ lâm thời. Trong đó họ nắm hai bộ Ngoại giao và Kinh tế cùng chức Phó chủ tịch Chính phủ.

Nhờ sách lược mềm dẻo mà tránh được sự đụng độ với quân Tưởng. Lấy quân Tưởng làm bờ rào ngăn quân Pháp trở lại miền Bắc. Tranh thủ thời gian hòa hoãn, ta tích cực chuẩn bị lực lượng cho kháng chiến.

Nước Việt Nam nói riêng, Đông Dương nói chung, thời kỳ sau chiến tranh đều nằm trong sự tính toán lợi ích của các nước có dính líu quân sự. Phía Nam, Anh rút quân để Pháp vào và Pháp nhượng cho Anh xứ Xyri và Libăng. Ở Trung Quốc,

Hồng quân Liên Xô giao vũ khí chiếm được của Nhật và toàn bộ lãnh thổ Mãn Châu cho quân giải phóng Trung Quốc. Điều đó buộc Tưởng Giới Thạch phải điều động binh lực lên chiến trường Đông Bắc nên phải rút quân khỏi Đông Dương. Trước khi rút Tưởng mặc cả với Pháp trả lại Tưởng các tô giới: Thượng Hải, Thiên Tân, Hán Khẩu, Quảng Đông, bán lại đường sắt vào Nam và cho Tưởng dùng cảng Hải Phòng vận chuyển hàng quá cảnh miễn thuế qua đường Việt Nam.

Đó là kết quả của Hiệp ước Pháp - Hoa ký ngày 28 tháng 2 năm 1946. Tuy vậy, Pháp muốn đưa quân êm thấm vào miền Bắc nên phải điều đình với Chính phủ Hồ Chí Minh. Phía ta để giảm bớt căng thẳng với các đảng phản động thân Tưởng nên chủ trương hòa đàm với Pháp. Ta yêu cầu Pháp thừa nhận quyền độc lập và thống nhất của Việt Nam. Còn Pháp thì chỉ muốn ta là quốc gia tự trị. Cuối cùng để cứu vãn tình thế diễn biến trên thực tế rất căng thẳng, Chủ tịch Hồ Chí Minh đưa ra một giải pháp: Nước Pháp công nhận nước Việt Nam là một quốc gia tự do, phía Pháp chấp nhận và ngày 6 tháng 3 năm 1946 Hiệp định sơ bộ Pháp - Việt được ký kết. Theo các điều khoản cơ bản trong Hiệp định,

Pháp công nhận Việt Nam là một quốc gia tự do, có Chính phủ, Nghị viện, quân đội, tài chính riêng. Từ một nước thuộc địa, chúng ta đã đạt được như vậy trong một hoàn cảnh đặc biệt căng thẳng là một thắng lợi ngoại giao. Đã loại Tưởng ra khỏi Việt Nam, bớt đi một kẻ thù nguy hiểm. Ta chỉ lo tập trung lực lượng đánh trả một kẻ thù. Mặt khác hòa hoãn với Pháp ta có thêm thời gian củng cố lực lượng chuẩn bị đón nhận cuộc đụng đầu lịch sử, khốc liệt.

Như đã dự đoán trước, cuộc chiến tranh Pháp - Việt dứt khoát sớm hay muộn sẽ xảy ra. Đảng ta đứng đầu là Chủ tịch Hồ Chí Minh đã chuẩn bị mọi mặt cho cuộc đụng đầu lịch sử đó.

Để xây dựng lực lượng vũ trang hùng mạnh Hồ Chí Minh đã ký sắc lệnh đổi Vệ Quốc đoàn thành Quân đội quốc gia Việt Nam, mở nhiều trường, nhiều lớp cán bộ chính trị, quân sự cho lực lượng vũ trang. Tăng cường củng cố thêm nhiều loại hình lực lượng vũ trang - xây dựng các lực lượng nửa vũ trang (dân quân du kích ở nông thôn và tự vệ thành phố). Huy động toàn dân ủng hộ xây dựng lực lượng vũ trang. Phát động toàn dân hưởng ứng phong trào “mùa đông binh sĩ”. Người đã làm gương trong phong trào đó. Người nói “ở hậu

phương, chúng ta có gia đình ấm áp, ở tiền phương các binh sĩ phải chịu rét mướt. Tôi có hai chiếc áo, một chiếc tôi mặc mấy năm nay, một chiếc tôi được biếu. Cả hai chiếc tôi tặng các chiến sĩ ngoài mặt trận”.

Từ nông thôn vào lính, chiến sĩ, cán bộ thiếu kiến thức về quân sự. Chủ tịch Hồ Chí Minh tuy bận nhiều công việc lớn song Người tranh thủ hết mức để viết tài liệu cho bộ đội huấn luyện như *Binh pháp Tôn Tử* và một số tài liệu quân sự khác.

Như biết trước thế nào đại quân cũng phải kéo lên miền núi, từ tháng 8 năm 1945 Người đã giao nhiệm vụ cho đồng chí Nguyễn Lương Bằng thu xếp chuẩn bị di chuyển các cơ quan của Đảng và Chính phủ và các trang thiết bị kỹ thuật máy móc...

Quân Pháp ngày càng thực hiện những hành động quân sự trắng trợn, tấn công xâm chiếm nhiều địa điểm của ta chiếm giữ, vi phạm nghiêm trọng những thỏa ước mà hai bên đã ký kết. Mặc dầu ta đã hết sức mềm dẻo, bằng con đường hòa bình, hòa giải nhưng phía Pháp khẳng khẳng không chấp nhận. Chúng gửi tối hậu thư buộc ta phải đầu hàng.

Chiều ngày 19 tháng 12 năm 1946, tại làng Vạn Phúc, trên gác hai của một gia

đình, Chủ tịch Hồ Chí Minh viết lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến. 20 giờ 03 phút đêm ngày 19 tháng 12 năm 1946 cuộc kháng chiến toàn quốc bùng nổ. Cả dân tộc theo *Hịch kháng chiến* của Chủ tịch Hồ Chí Minh đứng lên cầm vũ khí bảo vệ thành quả cách mạng mới giành được. Năm đó Người đã 56 tuổi, tay chống gậy trúc, chân đi dép cao su, lên đường hòa trong đoàn quân ra trận.

Hòa bình chỉ có một năm bốn tháng. Nhưng đó là một giai đoạn mà cả dân tộc làm được bằng hàng thế kỷ. Từ thân phận một dân tộc nô lệ vươn lên, nay đã có đủ lực lượng đương đầu với một đội quân viễn chinh nhà nghề Pháp được Mỹ giúp sức. Tuy có chênh lệch về trang bị vũ khí, trình độ tổ chức nhưng lực lượng toàn dân thì không có quân đội nào đánh thắng được.

Dưới ánh sáng tư tưởng của Chủ tịch Hồ Chí Minh cuộc kháng chiến toàn dân, “mỗi công dân là một chiến sĩ, mỗi làng là một chiến hào” kiên trì bám trụ trên quê hương mình, bảo vệ mảnh đất chôn rau cắt rốn, nơi mà tổ tiên, ông bà truyền lại cho câu ca, điệu hát, nơi có cuộc sống yên bình sau lũy tre làng. Kẻ thù đến, tất cả vùng lên tiêu diệt. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã khơi dậy sức mạnh tổng lực đó của mỗi

bờ tre, nóc nhà, ngõ xóm. Đó là pháo đài vĩ đại nhất mà bao kẻ thù phải bỏ chạy. Huống chi thực dân Pháp từ xa đến, chúng không thể cùng với dân ta bám trụ đánh lâu dài được. Đó là thế mạnh của ta, là thế yếu của Pháp, do đó phương châm: “Toàn dân kháng chiến, toàn diện kháng chiến vừa kiến quốc”.

Với đường lối “Toàn dân, toàn diện, trường kỳ” của Chủ tịch Hồ Chí Minh, một lần nữa khẳng định thiên tài chỉ huy của một Tổng tư lệnh tối cao. Nắm vững tình thế, nắm vững lợi thế, phát huy lòng người ta nên một chính thể toàn cục vững mạnh.

Hành trang đi kháng chiến của Người thật đơn giản gọn nhẹ. Chiếc ba lô đựng vài bộ quần áo, chiếc túi đựng tài liệu với cái máy chữ, tay chống gậy đi từ Hà Nội đến Vạn Phúc, tháng 1 năm 1947 Người rời Xuân Dương (Thanh Oai). Đến tháng 2 từ Chùa Thầy, Người vào thăm Ninh Bình, Thanh Hóa. Đầu tháng 3, Người chuyển về Cổ Tiết (Tam Nông), Chu Hóa (Lâm Thao), đến Hợp Thành (Sơn Dương, Tuyên Quang), giữa tháng 5 Người chuyển về Thanh Định (Định Hóa, Thái Nguyên). Nơi nghỉ chân của Người rất giản dị. Chiếc lán nhỏ làm bằng tre, gỗ dễ tìm.

Nơi đó có:

*Trên có núi, dưới có sông
Có đất ta trồng, có bãi ta vui.
Tiện đường sang Bộ Tổng
Thuận lối tới Trung ương.
Nhà thoáng, ráo, kín mái
Gần dân, không gần đường.*

Những người phục vụ bên Người là một tập thể đoàn kết, gắn bó như trong một gia đình. Để giữ bí mật, Người đặt tên mới cho mỗi người là Trường, Kỳ, Kháng, Chiến, Nhất, Định, Thắng, Lợi. Người nói vui: “Các chú là khẩu hiệu sống bên Bác”.

Kháng chiến gian nan, thiếu thốn. Rảnh việc là Người cùng anh em vác cuốc trồng rau, trồng bí, chăn nuôi, để vừa là hoạt động rèn luyện sức khỏe nơi núi rừng độc hại, vừa có thêm thức ăn cải thiện bữa ăn. Chiều chiều Người thường chơi thể thao. Tết đến, đốt lửa trại, ống nứa cháy kêu giòn thay pháo. Vui “trùm lửa” với anh em trong cơ quan. Có Tết phải chạy giặc. Nhưng Tết nào Người cũng có thơ chúc mừng năm mới, có thơ gửi đồng bào, chiến sĩ cả nước.

Tháng 6 năm 1948 Chủ tịch Hồ Chí Minh phát động phong trào “Thi đua ái quốc”. Cả nước dấy lên phong trào thi đua

sôi nổi chưa từng có: “Người người thi đua, ngành ngành thi đua, ngày ngày thi đua”. Tất cả các lực lượng, các giới, mọi lứa tuổi đều tham gia thi đua. Phong trào thi đua yêu nước thực sự là ngày hội của quần chúng, khẳng định sức mạnh toàn dân khi đã biết tập hợp lại trở thành một vũ khí trăm trận trăm thắng. Qua phong trào thi đua đã cung cấp cho kháng chiến những lực lượng vật chất vô cùng to lớn, một khí thế quần chúng sôi động, một đội ngũ cán bộ biết tổ chức, trưởng thành về mọi mặt, đáp ứng chuyển hướng chiến lược cách mạng.

Tuy vậy cách mạng còn gặp nhiều khó khăn. Tháng 4 năm 1949, quân giải phóng Trung Quốc đánh xuống phía Nam, yêu cầu ta phối hợp tác chiến. Theo chỉ thị của Bác, ta mở chiến dịch “Thập vạn đại sơn” giải phóng một loạt khu vực quan trọng gần biên giới Trung - Việt từ Long Châu đến Ninh Minh, Bằng Tường, Phòng Thành. Chiến dịch đó đã thể hiện tinh thần quốc tế vô sản của tư tưởng Hồ Chí Minh.

Ngày 1 tháng 10 năm 1949 nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa ra đời. Người gửi điện chúc mừng. Sau đó vào ngày 2 tháng 1 năm 1950 Chủ tịch Hồ Chí Minh bí mật sang Bắc Kinh hội đàm với các nhà

lãnh đạo Trung Quốc. Các đồng chí Trung Quốc đón tiếp Người nồng nhiệt và bày tỏ lòng khâm phục sâu sắc đối với cuộc chiến đấu của quân dân Việt Nam anh hùng.

Ngày 3 tháng 2 năm 1950 Người rời Bắc Kinh đi Liên Xô, trong thời gian thăm Liên Xô, Người đã có những cuộc tiếp xúc với các đồng chí Liên Xô và đại diện Đảng Cộng sản Pháp. Cuối tháng 3 năm 1950 Người về tới Việt Bắc. Thắng lợi lớn nhất trong chuyến đi hai nước lớn trong phe dân chủ là hai nước đã công nhận nước Việt Nam dân chủ cộng hòa là một quốc gia trong đại gia đình dân chủ thế giới. Sau chuyến đi thăm đưa đến thắng lợi vô cùng to lớn ta đã phá tan thế kìm kẹp, bao vây của địch. Tháng 7 năm 1950, ta quyết định mở chiến dịch Biên giới. Chiến dịch đại thắng, vùng đất tự do nối liền với hậu phương lớn là hai nước Xô - Trung vĩ đại. Thắng lợi đã có nhiều ý nghĩa to lớn, đã làm thay đổi cục diện chiến tranh, tạo nên thế và lực mới, đưa cuộc kháng chiến của ta vào thế tấn công.

Giữa khí thế sôi nổi của thắng lợi trên mặt trận quân sự và ngoại giao - điều kiện tốt để Đảng quyết định mở Đại hội Đảng lần thứ Hai tại Tuyên Quang từ ngày 11 đến 19 tháng 2 năm 1952. Chủ tịch

Hồ Chí Minh đọc Báo cáo chính trị trước Đại hội. Sau khi điểm lại tình hình diễn biến và tính chất cuộc kháng chiến, Người đi đến kết luận : phát huy thắng lợi đã đạt được, quyết tâm đưa cuộc kháng chiến đến thắng lợi hoàn toàn. Đại hội đã nhất trí cao, bầu Chủ tịch Hồ Chí Minh là Chủ tịch Đảng. Đại hội nhất trí theo đề nghị của Chủ tịch Hồ Chí Minh, Đảng đổi tên là Đảng Lao động Việt Nam. Ngày 3 tháng 3 năm 1951 Đại hội toàn quốc thống nhất Việt Minh - Liên Việt khai mạc. Chủ tịch Hồ Chí Minh đến dự và phát biểu, Người đúc kết chân lý :

*Đoàn kết, đoàn kết, đại đoàn kết
Thành công, thành công,
đại thành công.*

Chủ tịch Hồ Chí Minh là hiện thân cao đẹp nhất của tinh thần đoàn kết, là vị cha già kính yêu của đại gia đình Việt Nam. Là cây đại thụ tỏa bóng mát đến mỗi thân phận, mỗi cuộc đời của dân tộc Việt Nam.

Khắp chiến trường hai nước Việt, Lào quân ta mở nhiều đợt tấn công đại thắng. Quân Pháp tập trung xây dựng cứ điểm quân sự hùng mạnh Điện Biên Phủ. Chúng khoe khoang là pháo đài bất khả xâm phạm. Ngày 6 tháng 12 năm 1953 Chủ tịch Hồ Chí Minh cùng Trung ương Đảng quyết

định tập trung lực lượng tinh nhuệ của ta mở cuộc tấn công chưa từng có vào cứ điểm Điện Biên Phủ. Phối hợp với mặt trận chính khắp các chiến trường đều tấn công đồng loạt. Hậu phương chi viện cao nhất cho chiến dịch lịch sử. Chủ tịch Hồ Chí Minh trao cờ “Quyết chiến, quyết thắng” cho quân đội. Người căn dặn Đại tướng Võ Nguyên Giáp trước giờ xuất kích: Đánh chắc thắng. Đó là chỉ thị của Người cho quân đội ta - Quyết chiến, quyết thắng. Ngày 13 tháng 3 quân ta nổ súng mở màn chiến dịch. Sau 55 ngày đêm vượt qua bao gian khổ, hi sinh, ngày 7 tháng 5 năm 1954 lá cờ “quyết chiến, quyết thắng” đã phấp phới bay trên nóc hầm Tướng Đờ Cát Tori, hơn một vạn quân Pháp bị bắt làm tù binh. Quân ta ca khúc khải hoàn đại thắng. Người khẳng định “Điện Biên Phủ như là một cái móc chối lợi bằng vàng của lịch sử. Nó ghi rõ nơi chủ nghĩa thực dân lặn xuống dốc và tan rã. Đồng thời phong trào giải phóng dân tộc khắp thế giới đang lên cao đến thắng lợi hoàn toàn” (*Hồ Chí Minh toàn tập*. Tập 2, tr.261). Thắng lợi của cuộc kháng chiến, đặc biệt là chiến thắng Điện Biên Phủ buộc thực dân Pháp và quan thầy Mỹ phải ngồi vào bàn đàm phán và ký Hiệp định Giơ-ne-vơ. Các nước

thừa nhận và tôn trọng các quyền dân tộc cơ bản của nhân dân Việt Nam, Lào và Campuchia. Ngừng bắn trên toàn chiến trường Đông Dương. Miền Bắc được hoàn toàn giải phóng.

12. LÃNH ĐẠO MIỀN BẮC XÂY DỰNG, MIỀN NAM ĐÁNH GIẶC

Hòa bình trở lại, miền Bắc được hoàn toàn giải phóng. Trong niềm vui lớn của dân tộc, Bác Hồ trở về Thủ đô Hà Nội, Ngày 19 tháng 9 năm 1954, trên đường trở về Người ghé thăm Đền Hùng. Tại đền Giếng, Người gặp một số cán bộ chiến sĩ Đại đoàn quân tiên phong đang đóng quân tại đây. Người nói chuyện thân mật với đoàn sau khi nêu lên những công hiến to lớn của các vua Hùng cho dân tộc Người căn dặn: “Các vua Hùng đã có công dựng nước, Bác cháu ta phải cùng nhau giữ lấy nước”.

Ngày 15 tháng 10 năm 1954, Bác về đến Hà Nội. Người ở tạm trong một căn phòng ở nhà thương Đồn Thủy (nay là Quân y viện 108). Đến cuối năm Người về ở tại ngôi nhà nhỏ một tầng của người phục vụ Phủ Toàn quyền cũ. Người là Chủ tịch nước, nhưng đức tính khiêm tốn, lối sống

giản dị, nêu gương sáng cần, kiệm, liêm, chính trong những ngày đầu hòa bình lập lại.

Tuy bận trăm công nghìn việc của vị Chủ tịch nước, Bác Hồ vẫn dành thời gian để đi thăm đồng bào, các đơn vị bộ đội, nhà máy, trường học, bệnh viện... Đi tới đâu Người cũng được đồng bào nồng nhiệt đón chào. Đến các cơ sở, Người nắm tình hình một cách cụ thể, sát thực tế chứ không chỉ nghe qua báo cáo của các thủ trưởng cơ sở. Người xuống tận nơi làm việc của người lao động, hỏi thăm ân cần mọi người. Xuống tận nơi sinh hoạt, nhà ăn, khu vệ sinh... nếu chưa sạch Bác ân cần khuyên nhủ, nếu gọn gàng vệ sinh Người biểu dương. Người tốt, có thành tích Bác khen ngợi, có tặng thưởng và đó cũng là niềm vinh dự lớn lao trong đời công dân nước Việt Nam.

Cùng Trung ương Đảng, Người lãnh đạo miền Bắc xây dựng kinh tế, củng cố quốc phòng làm hậu phương vững chắc cho công cuộc giải phóng miền Nam thống nhất nước Nhà.

Từng bước khôi phục nền kinh tế bị kiệt quệ sau nhiều năm chiến tranh. Tăng cường phát triển toàn diện về kinh tế, tăng năng suất cây trồng, thực hiện người cày

có ruộng. Củng cố quan hệ sản xuất mới ở nông thôn, từng bước xây dựng tổ đổi công, hợp tác xã. Chú trọng phát triển văn hóa, khoa học kỹ thuật.

Bên cạnh thắng lợi cơ bản, cải cách ruộng đất còn có những sai lầm nghiêm trọng, Bác Hồ đã tự phê bình một cách nghiêm khắc : “Vì ta thiếu dân chủ nên nghe ít, thấy ít... Tôi nhận trách nhiệm trong lúc sóng gió này. Khuyết điểm của tôi đã ảnh hưởng đến sai lầm của cải cách ruộng đất và chĩnh đốn tổ chức” (*Biên bản Hội nghị Trung ương lần thứ Mười (mở rộng)*). Sai lầm cụ thể “trong việc thực hiện đoàn kết nông thôn, việc đánh kẻ địch, việc chĩnh đốn tổ chức, trong chính sách thuế nông nghiệp”. (*Hồ Chí Minh toàn tập*. Tập 6, tr.507), đặc biệt trong sử dụng phương pháp đấu tố tràn lan, thô bạo, dùng nhục hình, thiếu phân biệt đối xử giữa địa chủ cường hào gian ác với địa chủ kháng chiến, địa chủ tiến bộ, những người có công với cách mạng, dẫn đến quy sai, xử trí sai đối với nhiều cán bộ, đảng viên lâu năm. Những sai lầm đó “đã gây ra nhiều thiệt hại cho Đảng ta. Nó đã làm cho lực lượng Đảng bị tổn thất nặng. Làm cho đảng viên và cán bộ hoang mang và hoài nghi chính sách của Đảng, ảnh hưởng nghiêm trọng đến truyền thống và ý chí đấu tranh của

các Đảng bộ, đến tinh thần đoàn kết trong Đảng, trong chính quyền, trong Mặt trận, khiến cho uy tín của Đảng bị giảm sút trong quần chúng. Quan hệ giữa Đảng với quần chúng bị ảnh hưởng rất nhiều”. (*Những sự kiện lịch sử Đảng*. Tập I). Đảng đã kỷ luật một số đồng chí ủy viên Trung ương và ủy viên Bộ Chính trị về trách nhiệm đối với sai lầm trong cải cách ruộng đất. Chủ tịch Hồ Chí Minh phát biểu tại Hội nghị Trung ương lần thứ XX và nhấn mạnh : “Việc thi hành kỷ luật đối với các đồng chí Trung ương nói trên chứng tỏ với nhân dân là kỷ luật của Đảng nghiêm minh, điều đó giáo dục cho cán bộ, đảng viên đó biết tôn trọng kỷ luật”. Tại Hội nghị này Người được bầu làm Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng. Người phát biểu : “Là một đảng viên, một người cách mạng, Đảng giao cho bất kỳ việc gì cũng phải làm, phải phục tùng, phải cố gắng”.

Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nêu tấm gương sáng về tự phê bình và phê bình. Người nói : “Chỉ có Đảng chân chính cách mạng và chính quyền thật dân chủ mới dám mạnh dạn tự phê bình, hoan nghênh phê bình và kiên quyết sửa chữa ! (*Hồ Chí Minh toàn tập*. Tập 7, tr.493).

Vượt qua những khó khăn, sai lầm trong cải cách ruộng đất, Bác Hồ và Đảng ta đã lãnh đạo toàn dân hăng hái bước vào công cuộc phát triển kinh tế xây dựng xã hội chủ nghĩa. Quan niệm về chủ nghĩa xã hội, Người nói dễ hiểu : “Chủ nghĩa xã hội là lấy nhà máy, xe lửa, ngân hàng v.v... là của chung. Ai làm nhiều thì ăn nhiều, ai không làm thì không ăn, tất nhiên là trừ những người già cả, đau yếu và trẻ em”; nói tóm tắt : “Chủ nghĩa xã hội là làm sao cho dân giàu, nước mạnh”, (*Hồ Chí Minh toàn tập*, Tập 8, tr.682)

Tháng 10 năm 1955 Đại hội Mặt trận dân tộc thống nhất toàn quốc nhóm họp. Đại hội thành lập : Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thay cho Mặt trận Liên Việt, Chủ tịch Hồ Chí Minh được bầu là Chủ tịch danh dự của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.

Miền Bắc hòa bình, mọi người có điều kiện được hưởng ấm no hạnh phúc, cuộc sống dần dần đầy đủ. Bác Hồ là người lãnh đạo cao nhất của Đảng, của Nhà nước, của dân tộc. Nhưng Người sống một cuộc sống giản dị, trong ngôi nhà nhỏ cạnh hồ nước. Nơi ở không là lầu son gác tía, cung điện nguy nga của một người đứng đầu quốc gia. Nhớ khi Người về ở trong Phủ Chủ tịch, Người từ chối ở trong Dinh Phủ Toàn

quyền cũ, nơi đó có đủ tiện nghi sinh hoạt cho nguyên thủ quốc gia. Người dành nơi đó cho việc họp hành, tiếp khách Quốc tế, tiếp các đoàn đại biểu, các đoàn thể, tầng lớp nhân dân. Từ ngôi nhà nhỏ tầng trệt rồi sau này Người chuyển sang ở ngôi nhà sàn mà hiện nay là di tích lịch sử thiêng liêng, cuộc sống của Người vô cùng giản dị. Hy sinh cuộc sống gia đình cho Tổ quốc, nhân dân. Người sống như một người dân bình thường của đất nước Việt Nam. Bữa cơm của Người chỉ có vài món ăn đơn giản. Lúc ăn Người luôn có ý thức không để rơi vãi, ăn xong xếp đặt gọn gàng, ăn chừng nào Người lấy riêng chừng đó, để không thừa lãng phí. Đồ dùng thật giản dị, mấy bộ quần áo màu nâu bình dị như người dân. Đôi dép cao su Người dùng đến vệt gót, đứt quai Người đóng lại dùng tiếp. Cổ áo sờn rách Người tháo ra lộn trong ra ngoài nên vẫn thấy như mới không rách, đôi tất thủng Người cho khâu lại dùng tiếp. Có bộ áo quần kaki khi xuống thăm công nhân nhà máy bị xút té vào nên thủng mấy chỗ nhỏ, người phục vụ yêu cầu Bác thay bộ mới hơn vì nó đã bị rách. Bác ôn tồn bảo, dân tộc có phúc lớn khi Chủ tịch nước mặc áo rách. Những đồ dùng tư trang bình dị đã cùng Người đi đến mọi nơi của đất nước : xuống lội bùn,

tát nước, làm ruộng với nông dân; đến thăm người công nhân đứng máy, người chiến sỹ trên thao trường; đi chống hạn, chống úng với bà con nông dân. Đêm 30 Tết Người còn thức cùng các đồng chí cấp tỉnh bàn đưa năng suất lúa lên 5 tấn. Trước đây hoạt động ở nước ngoài, Người đã từng bốn ba gần 28 quốc gia đi hết 30 năm ròng mới tìm được con đường cứu nước. Nay đã có nước, Người lại đi không mỗi đặt chân khắp mọi nẻo đường, thửa ruộng, xưởng máy để đi tìm ấm no, hạnh phúc cho dân. Cái hoài bão, cái ham muốn tốt bậc của cuộc đời Người là thế. Gia đình của Người là đại gia đình các dân tộc. Người hạnh phúc và tự hào về đại gia đình đó. Người lo đêm ngày mong sao gia đình đó mãi mãi ấm êm, sung sướng thì cuộc đời Người luôn rộng mở đón gió thời đại. Nơi nhà sàn lộng gió và ánh sáng, ngát thơm hoa vườn do tay Người trồng. Trong ngát màu xanh cây cối rộn tiếng chim bên nhà sàn, Người thả tâm hồn thi nhân trong cảnh thiên nhiên trữ tình trong bản hòa tấu của tiếng chim, cá đớp mồi, ve râm rân, gió lộng mặt hồ...

Tạm xong công việc Chủ tịch nước, Người ra vườn cuốc đất trồng rau, tưới hoa, cho cá ăn. Tĩnh tâm, tĩnh trí với thiên

nhiên cho Người thêm trí lực mới. Triết lý Hồ Chí Minh, như có triết gia đã nhận xét, là hòa đồng với các mâu thuẫn trong tự nhiên và xã hội. Người yêu thiên nhiên, thích cây xanh, hoa thơm và hồ cá, tất cả hòa đồng trong một chỉnh thể. Trước nhà, Người cho trồng hàng rào râm bụt. Mảnh đất nhỏ trước sân là hoa nhài, hoa mộc, hoa dạ hương, hoa sói, quanh bờ ao là ngọc lan, hoàng lan và ý lan. Trên bàn làm việc có chiếc cốc thủy tinh, mùa nào hoa nấy. Người thích có hoa thơm trong phòng. Người đọc rất nhiều sách, nhưng không để lại như một thư viện đồ sộ giống như nhiều nguyên thủ quốc gia. Người không thích hình thức, đọc xong cuốn sách nào Người gửi tới các cơ quan nghiên cứu để sách đó được tiếp tục sử dụng, phục vụ được nhiều hơn cho nhân dân. Căn phòng ngủ Người tự bố trí gọn gàng, ngăn nắp, đơn giản. Một máy thu thanh, mùa đông có thêm lò sưởi, mùa hè có quạt bàn - mà Người được tặng. Để tiện sử dụng đèn, máy thu thanh và quạt, công tắc đều kéo về đầu giường để khi đi ngủ, hay khi thức dậy Người tự bật, tắt dễ dàng.

Người đi nhiều, hiểu nhiều văn hóa Đông, Tây, Kim, Cổ. Nhưng khi về với nhân dân, với đồng bào ít học Người nói,

viết ai cũng hiểu, dễ làm theo. Người căn dặn cán bộ khi nói và viết chữ nên dùng chữ ta, chứ đừng dùng chữ nước ngoài. Người hay dùng ca dao, tục ngữ, dùng lối nói ví von, dí dỏm. Đối với người học càng cao, hiểu càng rộng thì càng phải hòa mình gần gũi với đời sống nhân dân. Bác Hồ là tấm gương mẫu mực của việc giữ gìn truyền thống bản sắc văn hóa dân tộc. Người luôn chú trọng giữ gìn và phát huy thuần phong mỹ tục của dân tộc Việt Nam. Người đánh giá cao các bản *Hương ước* xưa của làng. Người khuyên nên giữ gìn và phát huy những phong tục, tập quán hay lối sống đẹp trong văn hóa dân gian. Các lễ hội ca ngợi công đức của những hào kiệt dân tộc, lối sống nhân hậu, yêu thương, đùm bọc, đoàn kết cộng đồng được Người chú trọng phát huy. Bên cạnh đó Người cũng khuyên nên bỏ các hủ tục hay những phong tục rườm rà, không hợp thời hoặc biến cải đi cho văn minh hợp với thời đại.

Đặc biệt Bác Hồ là người đã khơi dậy nhiều hoạt động sinh hoạt cộng đồng mới mẻ như phát động Tết trồng cây, đã tạo thành thói quen, nếp nghĩ, lối sống, thành phong tục đẹp trong những ngày đầu xuân ở mỗi người. Người phát động 'Ngày

thương binh, liệt sỹ”, phong trào “Người tốt, việc tốt”; “Phong trào thi đua yêu nước”. Mỗi ngành, mỗi giới đều có những phong trào thi đua của mình.

Cả dân tộc theo Bác đẩy lên những phong trào thi đua sôi nổi, lâu dài và hiệu quả. Từ những phong trào đó đã đào tạo nên biết bao thế hệ tiêu biểu, thế hệ “vàng” của thời đại.

Xây dựng miền Bắc vững mạnh, làm hậu phương lớn cho cách mạng miền Nam, Hồ Chí Minh ngày đêm lo lắng đến sự nghiệp đấu tranh giải phóng miền Nam, thống nhất nước nhà. Người hoạt động không mệt mỏi vì đồng bào miền Nam. Miền Nam là máu thịt, là nửa cơ thể của Tổ quốc. Một khi đồng bào miền Nam đang rên xiết dưới gót giày ngoại xâm thì Người ăn không ngon, ngủ không yên. Nhớ lần về thăm đồng bào vùng gần giới tuyến sông Hiền Lương, cảnh đêm, đau đáu về phương Nam, Người tâm sự : “Bác đã đi đến nơi, nhưng về chưa đến chốn”. Ba mươi năm tìm đường cứu nước, Người đã mang về cho dân tộc ánh sáng tự do. Nhưng miền Nam chưa trọn vẹn trở về chung một nước. Tình cảm với đồng bào miền Nam luôn luôn trong trái tim Bác. Cây vú sữa của đồng bào miền Nam tặng Bác được

Người tự tay trồng và ngày ngày chăm sóc. Khi chuyển sang ở nhà sàn, Người mang trồng cạnh nhà để được ngày ngày nhìn thấy cây như được thấy đồng bào miền Nam luôn bên mình.

Nghe tin có cán bộ, bộ đội, đồng bào miền Nam ra Bắc là Bắc tranh thủ đến thăm. Mỗi lần trả lời phỏng vấn báo chí nước ngoài hay gặp các đoàn quốc tế, Người khẳng định sự nghiệp thống nhất đất nước Việt Nam là không gì lay chuyển được. Người cực lực tố cáo đế quốc Mỹ và tay sai tàn sát đâm máu đồng bào ta ở miền Nam. Người trực tiếp cùng Trung ương Đảng chỉ đạo cách mạng miền Nam tiến hành các hình thức đấu tranh chống kẻ thù và động viên miền Bắc phấn đấu chi viện cao nhất cho cách mạng miền Nam. Chính điều đó đã tạo nên những bước chuyển biến nhảy vọt của thế và lực của cách mạng miền Nam.

Hồ Chí Minh sớm nhận rõ, đánh giá đúng bản chất của kẻ thù là ngoan cố, hung hăng và tàn bạo. Người chỉ rõ thế yếu cơ bản nhất của chúng là phi chính nghĩa, giả hiệu, và trong nội bộ luôn chứa đựng những mâu thuẫn không bao giờ giải quyết được. Từ trên cơ sở phân tích khoa học đó, Hồ Chí Minh tin tưởng sắt đá rằng

cách mạng miền Nam nhất định thắng. Việt Nam hòa bình, thống nhất đó là điều chắc chắn.

Người ra lời kêu gọi, lời hịch khích lệ toàn dân tộc hướng tới chân lý “Không có gì quý hơn độc lập tự do”. Tết đến, xuân về là ngày vui của cả dân tộc. Hồ Chí Minh làm thơ chúc Tết, mừng xuân tràn đầy khí thế “thừa thắng xông lên” của cả dân tộc.

*Xuân này hơn hẳn mấy xuân qua,
Thắng trận tin vui khắp nước nhà
Nam, Bắc thi đua đánh giặc Mỹ,
Tiến lên !
Toàn thắng ắt về ta.*

(Xuân 1968)

Thơ xuân 1968, là lời hiệu triệu cả miền Nam tổng tấn công, làm cho kẻ thù hoảng sợ, cả thế giới kinh ngạc và khâm phục.

Tuy tuổi cao, sức khỏe yếu, nhưng Bác vẫn mong muốn trực tiếp vào miền Nam để động viên quân và dân miền Nam chiến đấu. Ngày 10-3-1968 trong thư riêng gửi đồng chí Lê Duẩn, Bác đề nghị được vào miền Nam, lúc này “đang chuẩn bị mở màn chiến dịch. Đi thăm đúng lúc mới có tác dụng khuyến khích thêm anh em” và Bác vạch ra kế hoạch và hành trình cụ

thể cho chuyển đi. Để thực hiện ý định đó, Bác ngày đêm tích cực luyện tập nâng cao thể lực. Nhưng do tuổi cao, sức khỏe yếu nên Bác đã không thực hiện được ý định đó. Mặc dầu không vào được miền Nam nhưng mỗi khi có đoàn đại biểu miền Nam ra thăm miền Bắc, Người trực tiếp đến hỏi thăm tình hình miền Nam. Sự quan tâm đặc biệt, sự chỉ đạo động viên kịp thời và đặc biệt, những quyết định sáng suốt của Bác là nguồn lực, là nhân tố quan trọng làm cho cách mạng miền Nam phát triển nhanh chóng.

13. TRỌN CUỘC ĐỜI 79 MÙA XUÂN

Tuổi cao sức yếu đó là quy luật của tạo hóa. Năm 1969 Bác Hồ bước sang tuổi 80. Trải một cuộc đời đầy bão tố gian nan trên con đường cứu nước, nhưng Người vẫn lạc quan, rèn luyện sức khỏe để kéo dài tuổi thọ. Người từng viết :

*Sống lâu không tại số trời
Người mà biết sống thì người sống lâu.*

(Báo Nhân dân 12-1955)

Tấm gương rèn luyện thân thể của Bác Hồ là mẫu mực. Trong suốt quá trình ra đi tìm đường cứu nước trong những ngày gian khổ, khó khăn, Bác Hồ vẫn không

ngừng luyện tập, Người tập leo núi, tập bơi giữa dòng nước lạnh. Trong kháng chiến gian nan, Người luôn tập thể thao, cuốc đất, tăng gia sản xuất, tự mang vác hành lý riêng mỗi lúc hành quân đi chiến dịch, để rèn luyện đôi tay khi viết khối run. Những năm cuối đời Bác bị bệnh viêm họng mãn tính, có lúc ho ra máu. Bác sỹ kiểm tra họng thấy vỡ một mạch máu nhỏ, giọng bị khản, nói không thành tiếng. Đúng vào thời điểm sắp Tết âm lịch, phải đọc thư chúc Tết cho đồng bào cả nước; vì vậy Bác hàng ngày kiên trì tập đọc, kết hợp với chữa bệnh; cuối cùng nhờ kiên trì, tiếng nói của người trở lại bình thường. Tết năm đó đồng bào cả nước háo hức lắng nghe giọng nói sang sảng của Bác như mọi lần Tết đến.

Thói quen của Người già rất khó bỏ, đặc biệt như thói quen hút thuốc, uống rượu, cà phê. Khi thấy sức khỏe Bác giảm sút, bác sỹ yêu cầu Bác Hồ bỏ thuốc lá và rượu. Tuy có khó khăn, nhưng với quyết tâm cao Người đã :

Thuốc không, rượu chẳng có

mừng xuân

Dễ khiến thi nhân hóa tục nhân

Trong mộng thuốc thơm và rượu ngọt

Tỉnh ra thêm phấn chấn tinh thần.

Khoảng đầu tháng 8-1969 sức khỏe của Bác có triệu chứng giảm sút nghiêm trọng. Ngày 12-8-1969, Bác đến thăm phái đoàn ta từ Pari về nước. Gặp thời tiết mùa lũ lụt, trên đường về Người bị cảm, viêm phổi, sốt cao. Từ ngày 18-8-1969 theo đề nghị của bác sỹ, Người chuyển từ nhà sàn xuống căn phòng nhỏ gần nhà sàn để thuận tiện việc theo dõi chăm sóc sức khỏe cho Người. Ngày 28-8 điện tâm đồ thấy có phản ứng nhồi máu thành mạch cơ tim. Kể từ ngày 26-8 bệnh của Người ngày càng nặng dần. Các đồng chí trong Bộ Chính trị thay phiên nhau túc trực bên giường bệnh. Trung ương tập trung mọi khả năng cao nhất để chạy chữa cho Người. Ngày 28-8 tim bắt đầu có nhịp đập không đều, có dấu hiệu loạn thần nhĩ thất. Lúc tỉnh dậy thấy các đồng chí vào thăm, Người yêu cầu các đồng chí trở về với công việc. Tuy sức khỏe nguy kịch, nhưng tâm trí Người rất tỉnh táo. Bác thường hỏi về tình hình chiến sự miền Nam. Lắng nghe đồng chí báo cáo viên giới thiệu tình hình các chiến trường. Đồng chí Nguyễn Văn Linh lúc đó là Phó bí thư Trung ương Cục miền Nam vào thăm, Bác hỏi thăm tình hình đồng bào chiến sỹ miền Nam. Tuy yếu nhưng Người cố tỏ ra bình thường, vui vẻ để đồng chí yên lòng là Bác vẫn

khỏe mạnh. Bác ốm nặng vào đúng mùa lũ lụt, nước sông Hồng dâng cao. Bộ Chính trị quyết định chuyển Bác về nơi sơ tán đã được chuẩn bị trước. Biết tin, Người nói với đồng chí Phạm Văn Đồng : “Bác không thể bỏ dân mà đi được. Các chú phải làm sao để đê không vỡ, chứ không phải lo riêng cho Bác”.

Ngày 29-8, Trung ương Đảng đã thông báo nội bộ về sức khỏe của Bác. Ngày 31-8 tuy mệt nhưng Người cố ăn được một chút cháo. Được tin bộ đội tên lửa bắn rơi chiếc máy bay không người lái của Mỹ trên bầu trời Hà Bắc, Người dặn gửi tặng lẵng hoa của Người cho Sư đoàn tên lửa 361.

Tối 1-9 Người nói với 2 đồng chí Phạm Văn Đồng và Võ Nguyên Giáp để Bác ra gặp đồng bào chừng 5 phút nhân ngày Quốc khánh. Đồng chí Võ Nguyên Giáp báo cáo Bác là đã tổ chức lễ Quốc khánh tối qua rồi. Người lặng đi giây lát, hy vọng gặp đồng bào lần cuối đã không thành.

9 giờ 47 phút ngày 2-9-1969 trái tim Bác ngừng đập. Đúng vào ngày này năm 1945, Người đã khai sinh nước Việt Nam dân chủ cộng hòa. Do ngày mất của Bác trùng với ngày kỷ niệm Quốc khánh nên lúc đó Bộ Chính trị quyết định công bố ngày mất của Bác là ngày 3-9.

Ra đi “gặp cụ Các Mác, cụ Lênin” Bác để lại cho dân tộc Việt Nam một di sản vĩ đại đó là độc lập tự do, tư tưởng, đạo đức Hồ Chí Minh rọi sáng muôn năm.

Đặc biệt, Người để lại một văn kiện vô giá cuối cùng của mình đó là bản *Di chúc* lịch sử. Ta còn nhớ bức ảnh chân dung Bác chụp năm 1965, lúc Bác thọ 75 tuổi, là bức ảnh chân dung đẹp nhất. Lúc này sức khỏe Bác rất tốt. Người đã chọn lúc mình khỏe mạnh, minh mẫn, chọn đúng tháng đẹp nhất trong năm là tháng sinh nhật mình để viết về việc ra đi vĩnh viễn của mình. Khi bắt tay viết *Di chúc*, Bác không gọi là *Di chúc* mà là “Tài liệu tuyệt đối bí mật”. Sau này khi công bố tài liệu đó ta gọi là *Di chúc*. Đây là tài liệu tự tay Bác viết, tự tay Bác đánh máy. Bác bắt đầu viết từ ngày 10 đến ngày 14-5-1965. Mỗi ngày Bác dành một đến hai tiếng để viết. Hoàn thành bản *Di chúc* đầu tiên gồm 3 trang đánh máy, đề ngày 15-5-1965.

Sau đó hàng năm cứ vào dịp sinh nhật Bác lại đem “Tài liệu tuyệt đối bí mật” ra bổ sung, sửa chữa. Năm 1966, Người thêm phần nói về Đảng : “phải có tình đồng chí thương yêu lẫn nhau”. Năm 1968 Bác Hồ bổ sung thêm 6 trang viết tay về việc riêng và những công việc cần làm sau ngày chến

thắng giặc Mỹ xâm lược. Ngày 10-5-1969 Bác sửa lại trang đầu bản *Di chúc*, đó là lần hoàn chỉnh cuối cùng của bản *Di chúc* lịch sử. Kết tụ tư tưởng, đạo đức, tâm hồn trong sáng của bậc vĩ nhân, là kết tụ tinh hoa thời đại, vong hồn dân tộc, non sông nghìn năm, khí phách tinh thần lạc quan, của bậc đại trí, đại nhân, đại dũng; mỗi câu, mỗi chữ trong *Di chúc* đều toát lên nhân cách của một con người suốt đời phục vụ nhân dân, phục vụ đất nước. *Di chúc* như một bài thơ tuyệt hay của Bác. Mỗi chữ được dồn nén từ trong sâu lắng của tâm hồn, cảm xúc yêu thương đồng bào, yêu quý thiên nhiên. Mỗi một người dân nước Việt Nam từ cụ già, em bé, phụ nữ, người vương bụi trần... đều nhận được từ trái tim nồng hậu của Bác lời yêu thương hết mực. *Di chúc* của Bác toát lên vẻ đẹp của văn phong Việt Nam. Sức cuốn hút của nghệ thuật ngôn từ rất giản dị, dễ hiểu mà chứa đựng những thông tin hàm súc. Mỗi chữ đều được đặt đúng vị trí của nó, tưởng chừng không thể thay thế được.

Một mẫu mực văn phong độc đáo, sâu lắng, đậm đà bản sắc tự sự, thân thiết với cái vĩ đại ở nội hàm tư tưởng, hòa quyện giữa bác học và đời thường, sáng chói một áng văn tuyệt bút.

Bác viết về “việc riêng” mà ai ai, đời đời soi vào như thấy việc của mỗi người, của mọi người, nói về cái chung: ai cũng hiểu rất cụ thể là việc của mình; nói về cái chết mà ung dung, bình tĩnh, không bi lụy, bi quan, mà truyền đến cho mỗi con người niềm lạc quan, tin tưởng, pha chút hóm hỉnh, dí dỏm, để có nhận thức về quy luật tự nhiên. Trí tuệ mình mãi tuyệt vời, nhìn xa vào tương lai một cách rất cụ thể đến nỗi chính người đương thời không nhận ra hiện tại những việc mình đang làm, đang chứng kiến mà Bác đã nhìn thấy trước đó hàng chục năm.

79 mùa xuân Hồ Chí Minh, đã mang lại sức xuân vĩnh cửu cho mùa xuân dân tộc. Từ người đi tìm đường cứu nước trở thành người dẫn đường cho dân tộc, cho thời đại hướng tới tương lai, Hồ Chí Minh đã đi trọn 79 mùa xuân, đi trọn vào lòng đồng bào, sống mãi với non sông đất nước.

MỤC LỤC

<i>Cùng bạn đọc</i>	5
1. Những năm tháng tuổi trẻ	7
2. Lênh đênh chân trời góc biển	20
3. Những hoạt động sôi nổi trên đất Pháp	26
4. Trên quê hương V.I.Lênin	40
5. Trở về châu Á sáng lập tổ chức cách mạng đầu tiên của Việt Nam	52
6. Trong vai Thầu Chín ở nước Xiêm (Thái Lan)	65
7. Bị bắt vào tù, nhờ luật sư Lôđơbai cứu giúp thoát nạn	77
8. Trở về nước	104
9. Nhen nhóm ngọn lửa cách mạng từ Pác Bó	114
10. Những vần thơ thoát ra từ ngục tối	122
11. Khai sinh nước Việt Nam dân chủ cộng hòa	137
12. Lãnh đạo miền Bắc xây dựng, miền Nam đánh giặc	164
13. Trọn cuộc đời 79 mùa xuân	176

79 MÙA XUÂN HỒ CHÍ MINH

Chịu trách nhiệm xuất bản:

NGUYỄN DƯƠNG ĐỨC

Biên tập:

NGUYỄN TRỌNG KHÂM

Vẽ bìa trình bày sách:

VŨ HẢI

Sửa bản in:

BÙI NGỌC

In 1.000 cuốn, khổ 12,5x19cm. In tại Công ty CP in Nghệ An. Đăng ký kế hoạch xuất bản số 348-2007/CXB/07-59/NA ngày 14 tháng 5 năm 2007. In xong nộp lưu chiểu tháng 5/2007

CÁC BẠN TÌM ĐỌC

NHỮNG BỘ SÁCH VIẾT VỀ BÁC HỒ DO NHÀ XUẤT BẢN NGHỆ AN XUẤT BẢN

- Hồ Chí Minh thời niên thiếu
- Thơ Hồ Chí Minh
- Văn Hồ Chí Minh
- Những người thân trong gia đình Bác Hồ
- Chuyện kể về Bác Hồ (5 tập)
- Bác Hồ với chị và anh ruột
- Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh
- 79 mùa xuân Hồ Chí Minh
- Tư tưởng Hồ Chí Minh soi sáng con đường độc lập tự do của dân tộc Việt Nam
- Hồ Chí Minh thời trẻ
- Hồ Chí Minh - trường ca
- Cuộc đời không ngừng nghỉ
- Ca dao về Bác Hồ
- Chuyện kể từ làng Sen
- Bảo vệ Bác Hồ
- Cõi sen
- Nửa thế kỷ nghiên cứu học tập thơ văn Hồ Chí Minh
- Ca khúc - Bác Hồ một tình yêu bao la
- Bác Hồ những câu chuyện cảm động tập 1
- Bác Hồ với quê hương Nghệ An
- Bác Hồ những câu chuyện cảm động
- Hồ Chí Minh nhà dự báo thiên tài
- Những bức thư, bài viết, bài nói chuyện của Bác Hồ với quê hương Nghệ An

Giá: 16.000 đ